

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---***---

Số: 04-04/2023/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 17 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo thường niên năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:

<https://quangbinhjsc.com.vn/news/563-bao-cao-thuong-nien-nam-2022>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



PHẠM THỊ NGỌC NINH

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

Địa chỉ: Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ
Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại: 0225.6263333
Số fax: 0225.3533679
Website: <http://quangbinhjsc.com.vn/>

MỤC LỤC

PHẦN I PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
& Triết lý kinh doanh

Tóm tắt thông tin tài chính
giai đoạn 2018 – 2022

PHẦN II GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin chung

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị,
tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

PHẦN III TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện
các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn
đầu tư của chủ sở hữu

PHẦN IV BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất
kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách,
quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách
nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

PHẦN V BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về
các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt
động của Ban Tổng giám đốc công ty

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng
quản trị

PHẦN VI QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi
ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm
soát và Ban Tổng Giám đốc

PHẦN VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022

Báo cáo của Ban điều hành

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

PHẦN MỞ ĐẦU

**Thông điệp của
Chủ tịch Hội đồng quản trị**

[6]

**Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
& Triết lý kinh doanh**

[7]

**Tóm tắt thông tin tài chính
giai đoạn 2018 – 2022**

[8-9]



Thông điệp

của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính gửi Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và toàn thể CBNV!

Năm 2022 khép lại là một năm đầy thử thách đối với QBS. Trái ngược với kỳ vọng phục hồi kinh tế sau đại dịch, nền kinh tế thế giới năm 2022 đối mặt với nhiều biến động tiêu cực. Từ các cuộc khủng hoảng về năng lượng do xung đột kéo dài giữa Nga – Ukraine, cùng với chính sách Zero-Covid của Trung Quốc đã gây ra tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, đặt ra nhiều thách thức cho hoạt động sản xuất tiêu thụ của hầu hết các lĩnh vực. Thị trường phân bón trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, diễn hình như tình trạng bỏ canh tác hoặc cắt giảm đầu tư vật tư nông nghiệp của nông dân do giá nông sản ở mức thấp, chi phí đầu vào lại tăng cao làm cho nhu cầu tiêu thụ phân bón, thuốc bảo vệ thực phẩm giảm đáng kể. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp phân bón trong nước ngày càng gay gắt.

Tổng doanh thu năm 2022 của QBS đạt 359,36 tỷ đồng, lợi nhuận chưa được cải thiện trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, công ty đang tích cực tiến hành tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh, nghiên cứu đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh vào các lĩnh vực mới có hiệu quả hơn.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến các quý khách hàng, quý đối tác, quý cổ đông và tất cả các bên liên quan khác vì sự tin tưởng và hợp tác suốt thời gian qua! Với sự ủng hộ của Quý vị, chúng tôi tin rằng QBS sẽ có thêm sức mạnh và tinh thần để vượt qua khó khăn, gặt hái thành công trong tương lai.

Xin chân thành cảm ơn!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

VŨ THỊ DƯƠNG

Tầm nhìn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình hướng tới trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung cấp phân bón, hóa chất và vật tư nông nghiệp ở Việt Nam.

Sứ mệnh

“Quảng Bình cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao phục vụ phát triển ngành nông nghiệp bền vững ở Việt Nam”.

Giá trị cốt lõi

Chất lượng tốt nhất: Chúng tôi luôn nỗ lực tối đa để mang đến sản phẩm và dịch vụ với chất lượng tốt nhất trong thời gian đúng hạn.

Chính trực: Luôn phấn đấu để có được niềm tin của mọi đối tác và khách hàng, tạo niềm tin đối với cộng đồng;

Chuyên nghiệp: Chuẩn hóa trong mọi hoạt động nhằm phục vụ khách hàng một cách hiệu quả nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Đổi mới: Luôn đổi mới, sáng tạo trong công việc và công nghệ để đem lại sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Chăm sóc: Chúng tôi luôn chăm sóc khách hàng một cách tận tâm, chu đáo để khách hàng luôn hài lòng về sản phẩm và dịch vụ chúng tôi cung cấp.

Triết lý kinh doanh

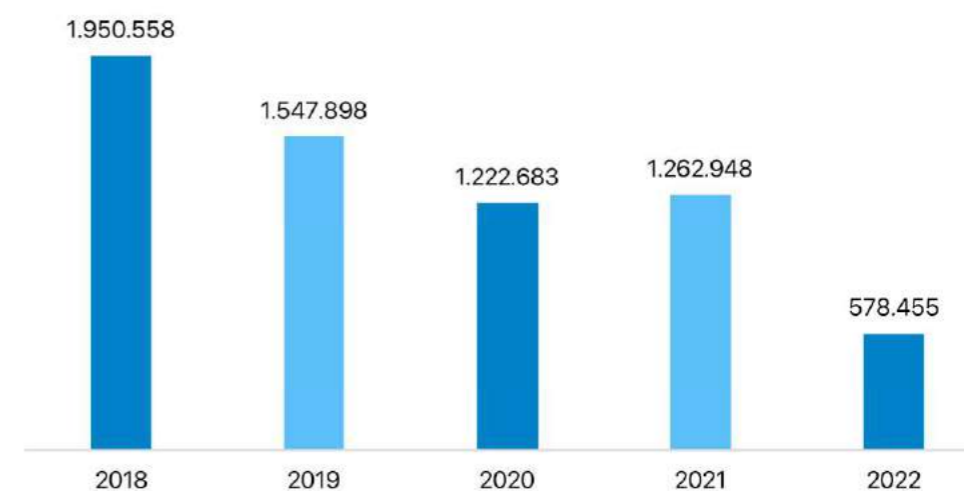
“Giá trị bền vững cho nhà nông” là triết lý kinh doanh của Quảng Bình. Lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam mặc dù được coi là tiềm năng nhưng lại chưa phát huy được tiềm năng này, nguyên nhân phần lớn do nông dân chưa có trong tay vật tư nông nghiệp tốt nhất với giá thành hợp lý. Quảng Bình nỗ lực giải quyết vấn đề này thông qua việc tập trung phát triển và tìm kiếm sản phẩm vật tư nông nghiệp chất lượng cao, xanh, sạch, và kết nối đầu ra ổn định cho các sản phẩm nông nghiệp, qua đó giúp nâng cao giá trị sản phẩm và hướng tới một nền nông nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam.

Với triết lý kinh doanh như vậy, Quảng Bình cũng thể hiện được “Trách nhiệm xã hội” của mình thông qua việc nỗ lực để góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống và tiến tới làm giàu cho nông dân Việt Nam.

TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2018 - 2022

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH					
Doanh thu thuần (triệu đồng)	2.186.512	1.431.065	1.203.834	1.529.009	359.357
Lợi nhuận gộp (triệu đồng)	75.952	17.280	-19.557	38.352	187
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	72.285	-166.066	-101.263	3.486	-99.873
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	72.799	-168.732	-98.949	5.585	-138.700
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	59.331	-174.273	-97.952	111	-138.700
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
Tổng tài sản (triệu đồng)	1.950.558	1.547.898	1.222.683	1.262.948	578.455
Nợ phải trả (triệu đồng)	1.062.443	830.520	604.454	644.912	92.929
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	888.115	717.378	618.229	618.035	485.526
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU					
Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu thuần (%)	2,71%	-12,18%	-8,14%	0,01%	-38,60%
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA) (%)	6,99%	-21,71%	-14,67%	0,02%	-25,14%
Thu nhập lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân (%)	2,98%	-9,96%	-7,07%	0,01%	-15,06%

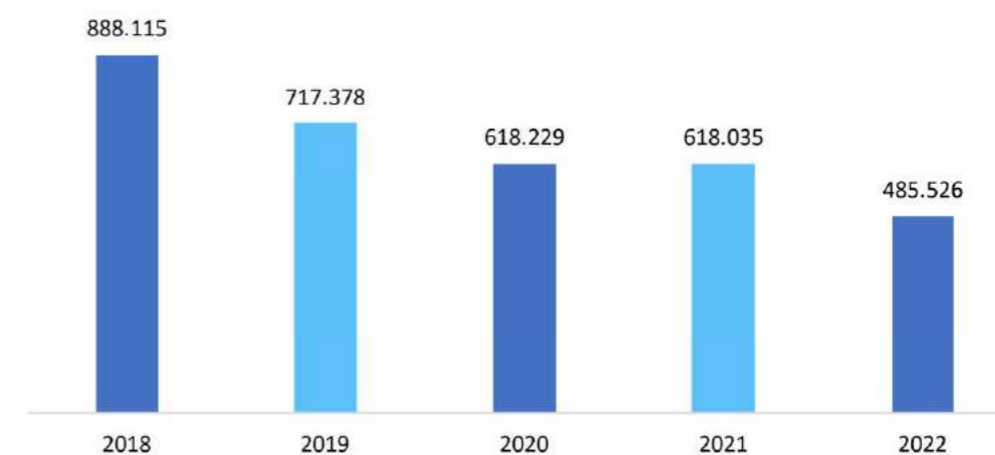
Tổng tài sản qua các năm



Cơ cấu tài sản



Vốn chủ sở hữu qua các năm



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin chung

[12-13]

Quá trình hình thành và phát triển

[14-17]

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

[18-19]

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

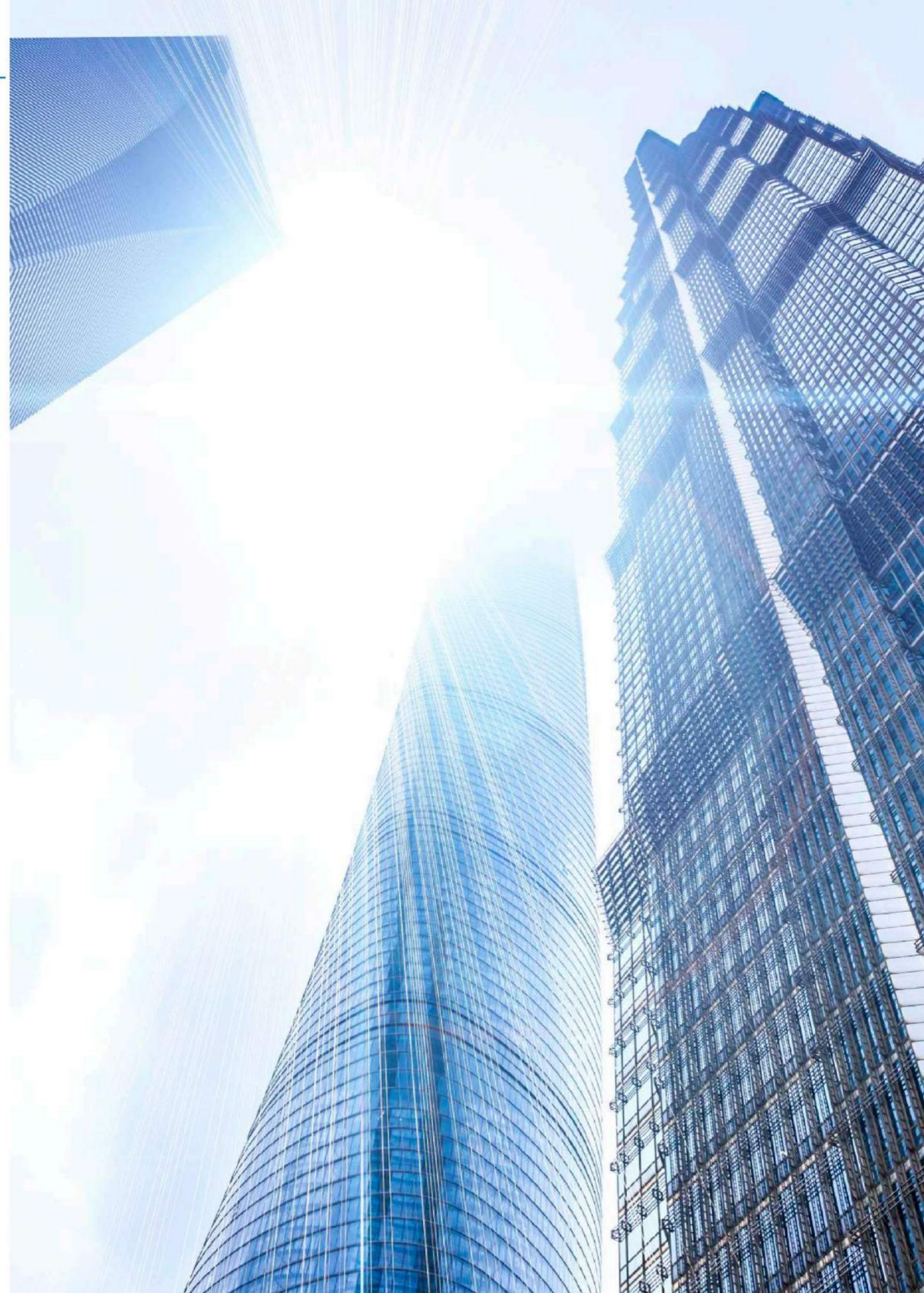
[20-23]

Định hướng phát triển

[22-23]

Các rủi ro

[24-25]



THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Thông tin khái quát

Tên Tiếng Việt	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình		
Tên Tiếng Anh	Quang Binh Import And Export Joint Stock Company		
Tên viết tắt	Quang Binh JSC		
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; đăng kí lần đầu ngày 12/03/2017; đăng kí thay đổi lần thứ 30 ngày 29/07/2022.		
Vốn điều lệ	693.299.280.000 đồng	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	485.525.626.570 đồng

Địa chỉ trụ sở chính Số 23 lô 01 – Khu 97 Bạch Đằng – P. Hạ Lý – Q. Hồng Bàng – TP. Hải Phòng

Điện thoại (84.225) 626 3333 **Fax** (84.225) 353 3679

Mã chứng khoán QBS **Website** <http://www.quangbinhjsc.com.vn>

Logo



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (CTCP XNK Quảng Bình) được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 1 tỷ đồng, trên cơ sở tách ra từ Công ty Cổ phần Hào Mỹ - một công ty đã có trên 30 năm kinh nghiệm kinh doanh thương mại nội địa về phân bón, hóa chất và nông sản.

Thông qua 2 đợt phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu, Công ty đã nâng vốn điều lệ lên 9,9 tỷ đồng

Tăng vốn điều lệ từ 9,9 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng.

Tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 56 tỷ đồng. Mở rộng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh sang hoạt động dịch vụ kho bãi ngoại quan, tiếp nhận vận tải, thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu và tái xuất khẩu. Đồng thời, mở thêm 01 văn phòng đại diện tại Quảng Ninh và 01 chi nhánh tại khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng

Đưa Nhà máy sản xuất phân bón NPK và phân lân vào hoạt động với thương hiệu NPK Đình Vũ và lân Đình Vũ tại thôn Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.

2007

2010

2011

2012

2013



2022

2017

2016

2015

2014

Hoàn thiện việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ

Thành lập liên doanh chiến lược toàn diện trong lĩnh vực logistic với Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần và ký kết Hợp đồng Liên doanh xây dựng, vận hành khai thác kho lạnh tại Khu Công nghiệp Sóng Thần, tỉnh Bình Dương. Ký kết hợp tác liên doanh với Công ty TNHH Transworld GLS Việt Nam thành lập Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD. Trong đó, Quảng Bình tham gia góp 40% vốn thành lập Công ty.

Đầu tư xây dựng Cảng cạn ICD Quảng Bình - Đình Vũ

Nâng vốn điều lệ lên hơn 693 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược

Khánh thành Nhà máy Barite tại Xavannakhet - Lào do Công ty góp vốn đầu tư. Đến tháng 08/2015, lô hàng thành phẩm đầu tiên được xuất sang thị trường Mỹ. Tháng 12/2015 QBS nâng vốn điều lệ lên gần 640 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu ra công chúng.

Vốn điều lệ được tăng lên 320 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày 13/11/2014, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HOSE với mã chứng khoán: QBS.

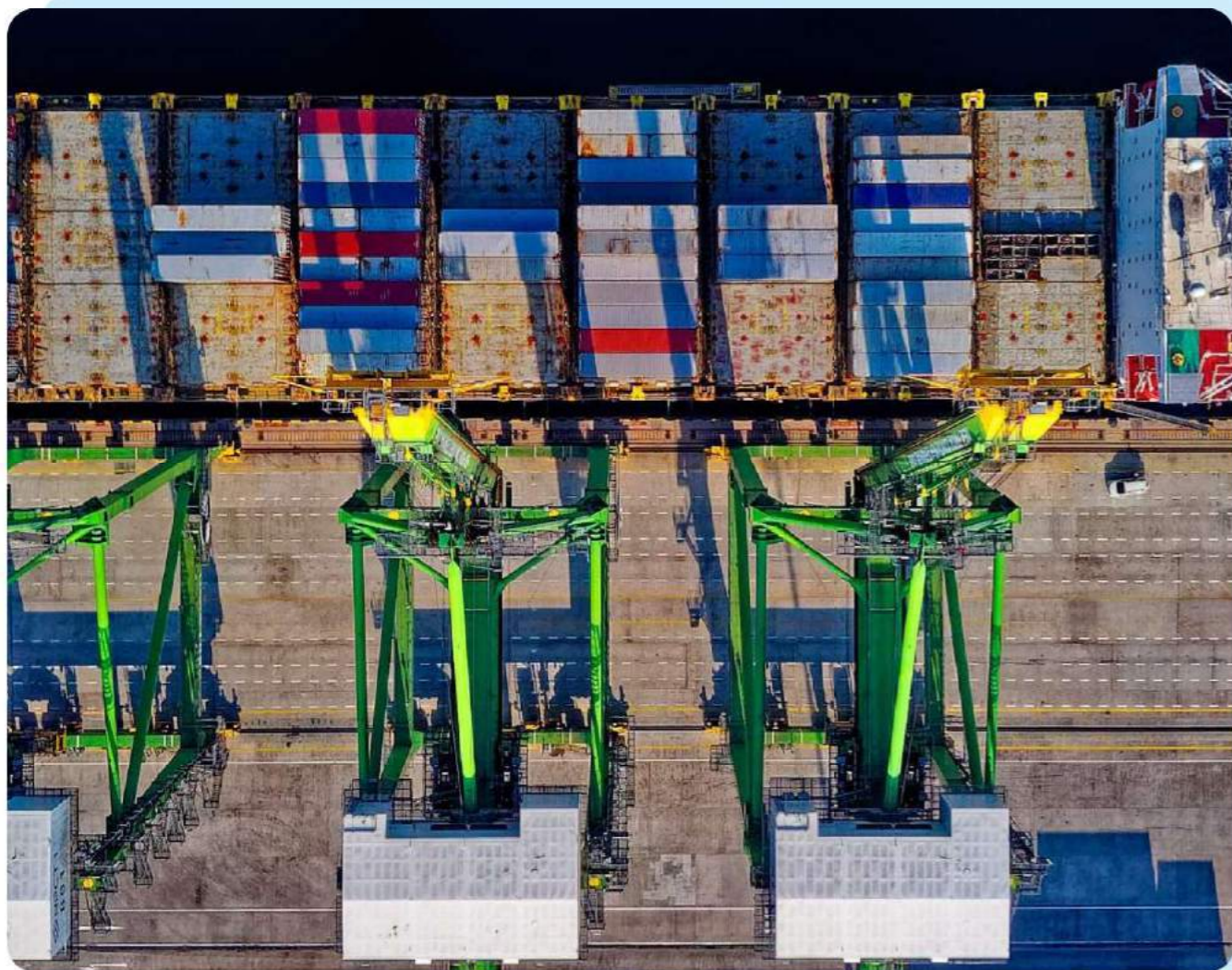
Các thành tích nổi bật

Thời gian	Thành tích
2019	Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009 Lãnh đạo Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc năm 2009
2010	Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2010 của UBND Thành phố Hải Phòng
2011	Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2011 của UBND Thành phố Hải Phòng Bằng khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2010 -2011 của UBND Thành phố Hải Phòng Bằng khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2010 -2011 của UBND Thành phố Hải Phòng Chứng nhận Top 100 Nhà cung cấp đáng tin cậy tại Việt Nam năm 2011 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp Xây dựng doanh nghiệp và phong trào ủng hộ xã hội năm 2011 Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng Hiệp hội Doanh nghiệp Thủy Nguyên và phong trào ủng hộ năm 2011 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp
2012	Tập thể lao động xuất sắc năm 2012 của UBND Thành phố Hải Phòng Giấy khen về việc đạt thành tích trong công tác thu và nộp thuế trước hạn năm 2012 do Cục Hải quan Hải Phòng cấp Giấy khen đã có thành tích thực hiện tốt chính sách pháp luật thuế năm 2012 của Tổng cục Thuế Giấy khen Giám đốc Nguyễn Thị Thanh Hương đã có thành tích xuất sắc trong chỉ đạo sản xuất kinh doanh, thực hiện nộp ngân sách nhà nước năm 2012 của UBND huyện Thủy Nguyên
2013	Chứng nhận Nhà cung cấp chất lượng năm 2013 do Viện doanh nghiệp Việt Nam cấp Chứng nhận Thương hiệu tin cậy năm 2013 do Viện nghiên cứu kinh tế phát triển cấp Chứng nhận Doanh nghiệp của năm 2013
2014	Thành tích Xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa TP Hải Phòng năm 2014 Chứng nhận Doanh nhân, Doanh nghiệp của năm do Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trao tặng năm 2014 Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng
2015	Danh hiệu "Doanh nghiệp đồng hành cùng nhà nông" năm 2015 Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2015
2016	Thương hiệu vàng Nông nghiệp Việt Nam năm 2016 Chứng nhận Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2016
2017	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017
2018	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2018
2019	Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2019
2020	Giấy khen Doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong hoạt động an sinh xã hội năm 2020

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính của công ty bao gồm các lĩnh vực dưới đây:
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy



Sản phẩm dịch vụ chính

Màng kinh doanh phân bón – hóa chất

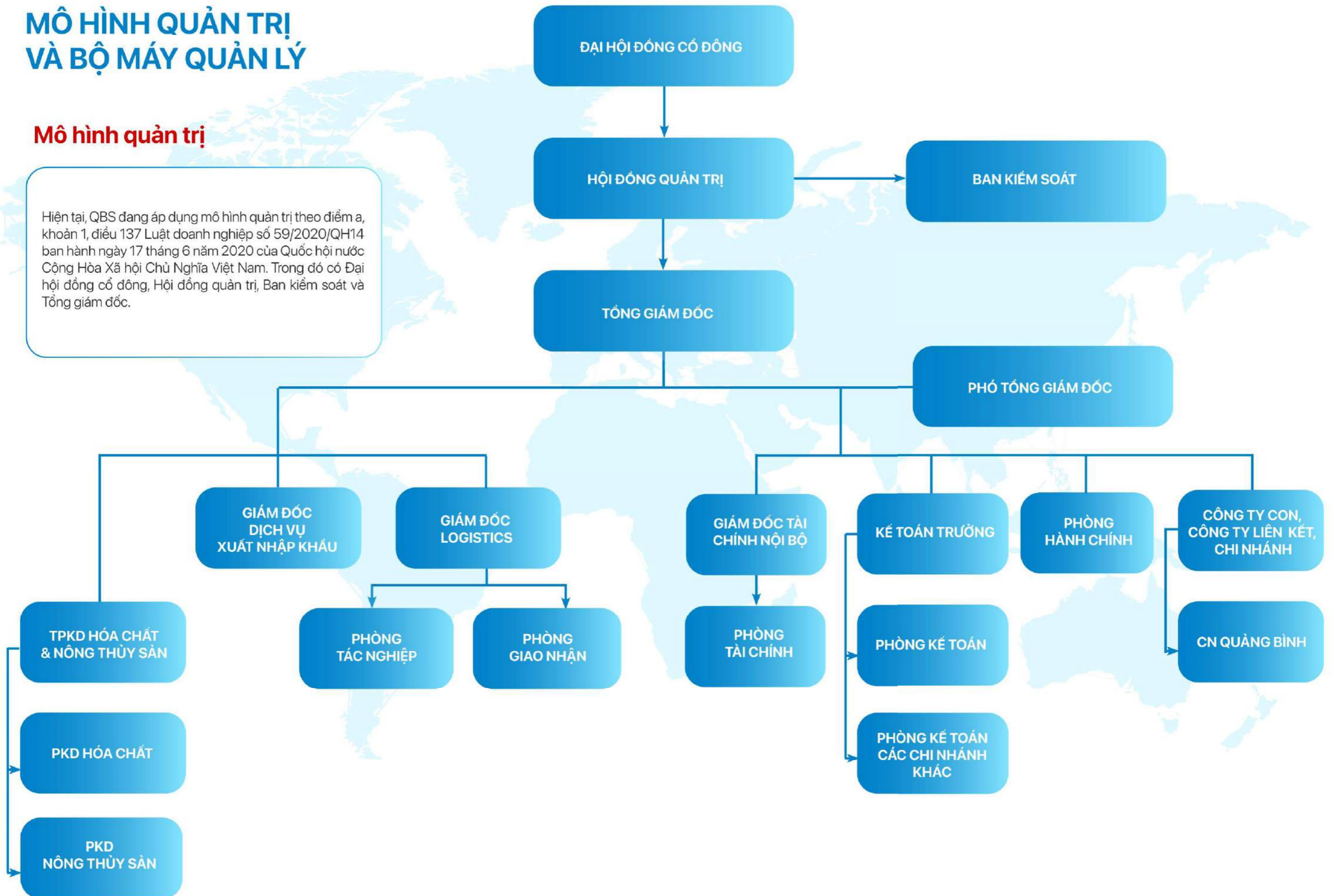


- Với màng kinh doanh dịch vụ kho ngoại quan, dịch vụ xuất nhập khẩu
 - + Dịch vụ khai báo hải quan
 - + Cho thuê kho bãi
 - + Hoạt động tạm nhập tái xuất

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Hiện tại, QBS đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm a, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.



Cơ cấu bộ máy quản trị

01

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông được quy định trong điều lệ của Công ty. Hàng năm HĐQT chuẩn bị kỹ lưỡng để họp ĐHCĐ được tổ chức một cách chuyên nghiệp, hiệu quả, đảm bảo cho các cổ đông thực hiện được đầy đủ các quyền của cổ đông.

02

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đương nhiệm của Công ty có Chủ tịch và các ủy viên. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị tổ chức họp định kỳ mỗi quý một lần, kiểm điểm phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội cổ đông, cụ thể hoá các kế hoạch, nhiệm vụ và giao cho Tổng Giám đốc điều hành tổ chức thực hiện.

03

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

04

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc, trong đó Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

05

MỘT SỐ PHÒNG BAN CHỨC NĂNG

Phòng Giao nhận: Chịu trách nhiệm giao nhận, giám sát Hàng hóa của Công ty.

Phòng Kinh doanh: Phòng kinh doanh bao gồm:

- + Phòng Kinh doanh 2: Phụ trách xuất nhập khẩu hóa chất và nông lâm thủy sản.
- + Phòng Kinh doanh 3: phụ trách hệ thống kho ngoại quan, kho bãi và các dịch vụ khác.

Phòng Kế toán: Thực hiện các chức năng: Quản lý lao động tiền lương; Tổ chức bộ máy kế toán, quản lý vốn và tài sản; Thực hiện các nhiệm vụ kế toán và thù quỹ, thống kê, lập các báo cáo quyết toán quý, năm và quyết toán đầu tư.

Phòng Tài chính: Phân tích tình hình tài chính của công ty; xây dựng và triển khai kế hoạch về nguồn vốn liên quan đến đầu tư, chia tách, sáp nhập; tham mưu cho BGD về kế hoạch tài chính hằng năm.

Phòng hành chính: tham mưu cho BGD về việc bố trí nhân sự cho phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty; quản lý hồ sơ lý lịch của công nhân viên; đồng thời thực hiện công tác hành chính như công tác an ninh quốc phòng, bảo vệ cơ quan; môi trường, phòng cháy chữa cháy; xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ.

Chi nhánh Quảng Bình: Phối hợp với văn phòng công ty và các văn phòng khác để triển khai công việc kinh doanh của Công ty và khai thác khách hàng trên địa bàn hoạt động.

Công ty con, công ty liên kết

Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Mảng phân bón

Nội địa:

Đổi mới mặt hàng thương mại nội địa: Duy trì những mối quan hệ khách hàng truyền thống, chào bán những sản phẩm nguyên liệu do công ty chủ động nhập khẩu, cũng như tìm nguồn hàng nội địa phù hợp để chào bán.

Xây dựng thêm các mối quan hệ bạn hàng mới, chào bán phát triển mảng thương mại nội địa các mặt hàng phân bón.



Mảng hóa chất & hàng hóa khác

Tiếp tục tìm kiếm cơ hội kết nối đến các khách hàng có nhu cầu để trở lại tăng trưởng bán hàng lưu huỳnh và axit sulphuric trong thị trường nội địa.



Một số vấn đề khác

Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, dòng tiền để chống việc rủi ro liên quan đến các vấn đề tài chính, nợ xấu.

Khuyến khích việc đưa ra các sáng kiến, ý tưởng, dự án nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao được hiệu quả công việc.

Liên tục cập nhật và xây dựng các chính sách nhằm giữ nhân lực chủ chốt và hấp dẫn thu hút nguồn nhân lực.

Chủ động, linh hoạt thích ứng trong xây dựng kế hoạch, cân đối nguồn lực, tổ chức thực hiện, quản trị quá trình thực hiện.



CÁC RỦI RO

01 Rủi ro về kinh tế

Sự vận động và phát triển của nền kinh tế tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Các rủi ro hình thành từ biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô chính như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế cũng như chính sách phát triển ngành,... Những rủi ro này sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

Những tháng đầu năm 2022, dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp đã gây ra nhưng ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh tế, trong đó xuất, nhập khẩu hàng hóa bị ảnh hưởng khá nghiêm trọng. Cũng trong năm này, bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động nhanh, khó lường làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Tuy nhiên, nửa cuối năm 2022 đã chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế khi đại dịch bắt đầu được kiểm soát và bước đầu vượt qua đại dịch Covid-19. Tăng trưởng GDP cả năm 2022 ước đạt 8,02% so với năm 2021, là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022. Dù hoạt động sản xuất kinh doanh bị gián đoạn, nhưng Công ty đã nỗ lực rất nhiều trong năm 2022 và đạt được những kết quả nhất định.

02 Rủi ro tỷ giá

Từ đầu năm 2022 đến nay, tỷ giá tại các quốc gia trên thế giới, nhất là những thị trường xuất - nhập khẩu trọng điểm của Việt Nam liên tục có những thay đổi. Các đồng tiền chủ chốt khác đều giảm mạnh so với đồng USD, điều này có những tác động bất lợi nhất định đến các doanh nghiệp xuất - nhập khẩu. Bước sang năm 2023, Công ty tiếp tục theo dõi chặt chẽ xu hướng tỷ giá và có những ứng biến kịp thời để giảm thiểu rủi ro này.

03 Rủi ro lạm phát

Bình quân năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng. Nhìn chung, trong năm 2022 mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát, tuy nhiên áp lực lạm phát năm 2023 là rất lớn. Diễn biến giá cả hàng hóa, nguyên nhiên vật liệu trên thế giới đang có xu hướng giảm do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại nhưng rủi ro tăng trở lại khá cao do xung đột giữa Nga - Ucraina vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, sự phục hồi kinh tế Trung Quốc có thể kéo nhu cầu năng lượng gia tăng. Kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2023 do tác động của các gói hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng cùng với nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tăng sẽ đẩy giá cả hàng hóa lên cao. Chính vì vậy, công tác quản lý, điều hành giá trong thời gian tới cần tiếp tục thực hiện thận trọng, chủ động và linh hoạt để bảo đảm kiểm soát tốc độ tăng giá tiêu dùng năm 2023.

04 Rủi ro lãi suất

Kể từ tháng 9/2022, để ổn định tỷ giá và tránh lạm phát nhập khẩu vào Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước buộc phải tăng lãi suất điều hành theo xu thế chung, các bước tăng trên biểu niêm yết của các ngân hàng thương mại cũng lớn hơn và gấp gáp hơn. Nhiều khả năng lãi suất huy động sẽ vẫn chịu áp lực tăng trong nửa đầu năm 2023. Tuy được Chính Phủ ra chỉ thị tăng lãi suất huy động, cố gắng giữ ổn định lãi suất cho vay nhưng mức độ biến động của lãi suất cũng ít nhiều ảnh hưởng tới chi phí sử dụng vốn của các doanh nghiệp trong nước nói chung và của Công ty nói riêng. Điều này khiến Công ty phải luôn theo dõi sát sao tình hình biến động của lãi suất để có phương hướng, kế hoạch kinh doanh phù hợp trong môi trường lãi suất luôn thay đổi.

05 Rủi ro thương mại

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hóa, mọi biến động tỷ giá cũng như giá cả hàng hóa có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

06 Rủi ro pháp luật

Sự ổn định của hệ thống chính trị, luật pháp, chính sách của một quốc gia ảnh hưởng rất lớn đến sự ổn định và khả năng phát triển của các ngành kinh tế nói chung và ngành phân bón, xuất nhập khẩu nói riêng. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình với tư cách là công ty đại chúng niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh kể từ năm 2014. Chính vì vậy, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan và các luật liên quan khác. Do đó, bất kỳ thay đổi bất lợi nào trong hệ thống các văn bản pháp luật này cũng có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của doanh nghiệp. Trong bối cảnh hệ thống luật pháp ở Việt Nam còn đang trong giai đoạn đổi mới, hoàn thiện thì việc gặp phải những rủi ro trong quá trình thực hành luật là không thể tránh khỏi. Trên tinh thần thượng tôn pháp luật, Công ty sẽ liên tục cập nhật, đào tạo và trao đổi về cơ chế luật hiện hành và những thay đổi để đảm bảo hạn chế tối đa việc vi phạm pháp luật.

07 Rủi ro bất khả kháng

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, khủng bố, ... là những rủi ro nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của toàn công ty. Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
[30-31]

Tổ chức và nhân sự
[32-39]

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
[40]

Tình hình tài chính
[40-43]

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
[44-47]



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Kết quả kinh doanh	Năm 2021	Năm 2022	% Thay đổi
Doanh thu thuần (triệu đồng)	1.529.009	359.357	-76,50%
Giá vốn hàng bán (triệu đồng)	1.490.657	359.170	-75,91%
Lợi nhuận gộp (triệu đồng)	38.352	187	-99,51%
Doanh thu hoạt động tài chính (triệu đồng)	3.164	349	-88,97%
Chi phí tài chính (triệu đồng)	27.622	-39.316	-242,34%
- Trong đó: Chi phí lãi vay (triệu đồng)	43.955	21.509	-51,07%
Chi phí bán hàng (triệu đồng)	197	1.057	436,86%
Chi phí quản lý doanh nghiệp (triệu đồng)	10.210	139.228	1263,60%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	3.486	-99.873	-2.964,77%
Lợi nhuận khác (triệu đồng)	2.099	-38.827	-1950,18%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (triệu đồng)	5.585	-138.700	-2.583,52%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (triệu đồng)	111	-138.700	-125.838,57%
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (triệu đồng)	401	-138.700	-34.688,53%

Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	%Thực hiện 2022/ Kế hoạch 2022
Doanh thu thuần (triệu đồng)	800.000 - 1.000.000	359.357	40%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	10.000	-138.700	-1.387%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	8.000	-138.700	-1.734%

Kết thúc năm 2022, QBS chưa hoàn thành kế hoạch kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đề ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh còn gặp khó khăn, thời gian tới QBS sẽ cố gắng đưa ra kế hoạch và phương hướng phù hợp để cải thiện tình trạng trên.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thông tin Hội đồng quản trị

Bà VŨ THỊ DƯƠNG

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1981
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán - kiểm toán
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 920 cổ phiếu

Quá trình công tác

1/2004 - 8/2005	Nhân viên Kế toán tại Công ty TNHH B.I.C
12/2005 - 9/2009	Nhân viên Kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng PG
11/2010 - 5/2012	Nhân viên Kế toán tại Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải QT Hải Khánh
06/2012 - 02/2013	Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH Vận tải và tiếp vận Toàn Cầu
11/2013 - 03/2018	Nhân viên kế toán tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
04/2018 - 12/2019	Trưởng phòng tài chính tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình
07/2019 - 07/2022	Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Cảng Cạn Quảng Bình - Đình Vũ
07/2022 - 12/2022	Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình



Bà HÀ THỊ MAI HƯƠNG

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1991
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác

2013 - 2014	Nhân viên chứng từ tại Công ty TNHH Shipco Transport
2014 - 2016	Nhân viên xuất nhập khẩu tại Công ty CP XNK Quảng Bình
2016 - T4/2018	Phó phòng Kinh doanh hóa chất và nông thủy sản tại Công ty CP XNK Quảng Bình
T3/2018 - T8/2020	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc tại Công ty CP 5FOODS
T4/2018 - T2/2020	Trưởng phòng Kinh doanh 2 tại Công ty CP XNK Quảng Bình
T4/2020 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP XNK Quảng Bình

Bà LÊ THỊ THANH HẢI

- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1991
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác

2014 - 2016	Kế toán viên tại Công ty TNHH MTV Hương Tân
2017 - nay	Kế toán viên tại Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn
T5/2020 - T4/2021	Kế toán trưởng Công ty CP Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Trần Trang
T4/2021 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần XNK Quảng Bình

Thông tin Ban kiểm soát

Bà ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO

- Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1986
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác

2007 - 2008	Kế toán, Kiểm toán nội bộ tại CTCP Xuất nhập khẩu Hào Mỹ.
2008 - 2011	Nhân viên Kinh doanh tại Công ty CP XNK Quảng Bình
T1/2012 - T4/2014	Kế toán viên tại Công ty TNHH Vận tải Hoàng Dương
T4/2014 - T5/2018	Trưởng Ban kiểm soát CTCP XNK Quảng Bình
T5/2018 - nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP XNK Quảng Bình

Bà TRẦN THỊ THU TRANG

- Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1985
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác

T4/2009 - T3/2010	Kế toán tại Công ty CP ĐT & XLTM Cửa hàng xăng dầu 231 Tô Hiệu
T9/2010 - T6/2015	Kế toán tại Công ty CP XNK Quảng Bình
T6/2015 - T10/2015	Phó phòng kế toán tại Công ty CP XNK Quảng Bình
T1/2016 - T3/2017	Kiểm soát nội bộ tại Công ty CP XNK Quảng Bình
T3/2017 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP XNK Quảng Bình

Bà NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG

- Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1981
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác

2003 - 2006	Giáo viên tiếng Anh tại trường THCS Tân Dương
2006 - 2011	Phiên dịch tiếng Anh tại CTCP CN Tàu thủy An Đông
2011 - T4/2014	Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm kế toán xuất nhập khẩu CTCP XNK Quảng Bình
T4/2014 - T6/2018	Chuyên viên Xuất nhập khẩu kiêm Thành viên BKS CTCP XNK Quảng Bình
T6/2018 - nay	Thành viên BKS CTCP XNK Quảng Bình



Thông tin Ban Tổng Giám đốc

Ông HOÀNG VĂN HƯNG

- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1982
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ thông tin
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác

T5/2012 - T12/2020	TV HĐQT Công ty CP XNK Đức Nguyễn
T6/2014 - T12/2020	Giám đốc Công ty CP Xây dựng và XNK Tam Đào
T2/2016 - T6/2017	Trưởng văn phòng đại diện tại Cao Bằng – Công ty CP XNK Quảng Bình
T5/2017 - T10/2017	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Đầu tư và XNK Tân Cảng SG
T10/2017 - T12/2020	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP XNK Tân Bình Phú
T4/2020 - nay	Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Quảng Bình

Ông NGUYỄN THANH BÌNH

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

Quá trình công tác

T5/2013 - T5/2018	Giám đốc nhà máy NPK Đình Vũ – Công ty CP XNK Quảng Bình
T3/2018 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP 5FOODS
T5/2016 - nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đối ngoại Công ty CP XNK Quảng Bình
T5/2017 - T10/2017	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Đầu tư và XNK Tân Cảng SG
T5/2019 - nay	TV HĐQT Công ty CP XNK Hóa chất miền Nam

Thay đổi trong Ban lãnh đạo

Họ và tên	Chức danh tại công ty (trước thay đổi)	Chức danh tại công ty (sau thay đổi)	Lý do thay đổi	Hiệu lực
-----------	--	--------------------------------------	----------------	----------

Thay đổi trong Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Cố vấn kiêm Giám đốc tài chính	Từ nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua	21/07/2022
------------------------	----------------------------	--------------------------------	---	------------

Vũ Thị Dương	Trưởng phòng Tài chính	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Được bầu bổ sung làm Thành viên HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị	21/07/2022
--------------	------------------------	----------------------------	---	------------



Cơ cấu nhân sự

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	20	80%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	3	12%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	0	0
4	Lao động phổ thông	2	8%
Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	25	100%
2	Lao động gián tiếp	0	0%
Theo hợp đồng lao động			
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	0	0%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	25	100%
Theo độ tuổi			
1	Từ 18 đến 25 tuổi	0	0%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	16	64%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	7	28%
4	Trên 45 tuổi	2	8%
Theo giới tính			
1	Nam	10	40%
2	Nữ	15	60%
Theo tiêu chí khác			
1	Có hợp đồng lao động	25	100%
2	Lương theo giờ	0	0%
Tổng cộng		25	100%

Tóm tắt chính sách nhân sự

01 Quy chế lương, thưởng

Chính sách lương: Người lao động được trả lương theo hiệu quả công việc tương ứng với từng vị trí/chức danh được phân công. Đảm bảo thu nhập của CBCNV cạnh tranh và tương xứng với các đơn vị cùng ngành nghề, cùng khu vực trong từng thời điểm. Lương thu nhập bao gồm lương cơ bản và các loại phụ cấp lương tương xứng với công sức, trách nhiệm và hiệu quả lao động.

Chính sách thưởng: Công ty có chính sách tính thưởng cho người lao động căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị và đánh giá xếp loại KPI (hiệu quả công việc) của từng cá nhân. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách khen thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có sáng kiến, cải tiến được áp dụng trong công việc, mang lại hiệu quả cho Công ty.

02 Chính sách phúc lợi, đãi ngộ

Ngoài những chính sách, chế độ theo quy định của Pháp luật, Công ty còn áp dụng các chính sách khác đối với người lao động như:

- Trợ cấp ốm đau, tai nạn, nghỉ hậu sản, hiếu hỉ, ...
- Khen thưởng thành tích học giỏi đối với con của Người lao động và tạo điều kiện cho tham gia thực tập thực tế tại các đơn vị trong Công ty.
- Công ty luôn quan tâm đến việc đầu tư nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện, môi trường làm việc và nghỉ ngơi đối với người lao động.
- Hỗ trợ thêm các trường hợp hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.
- Tổ chức tham quan nghỉ mát và các hoạt động văn thể mỹ (8-3 , 2-9 , 20-10)

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần (quà tặng cưới hỏi, trợ cấp khó khăn, ốm đau, hiếu hỉ, học bổng, ngày quốc tế thiếu nhi...).

03 Chính sách đào tạo, tuyển dụng nhân viên

Công tác đào tạo: Là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong xây dựng và phát triển nhân lực. Áp dụng chương trình đào tạo đa dạng: hội nhập, nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, công nghệ mới..., nội bộ hoặc bên ngoài. Chú trọng huấn luyện đào tạo qua công việc: Cấp trên đào tạo cấp dưới, chuyên viên cấp cao/thợ bậc cao đào tạo cấp thấp hơn. Luân chuyển nguồn nhân lực để đào tạo qua công việc thực tế. Bao gồm đào tạo bên ngoài và nội bộ với nội dung chuyên sâu về quản lý điều hành, chuyên môn nghiệp vụ... Thường xuyên mở các buổi hội thảo chuyên đề có thực hành tại các phòng ban, hỗ trợ một phần học phí cho người lao động tự học.

Công tác tuyển dụng thực hiện theo kế hoạch hàng năm và theo chiến lược phát triển trong từng giai đoạn. Các chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển dụng được thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn trong năm 2022

Không có

Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2021	2022	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản (triệu đồng)	1.262.948	578.455	-54,20%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	1.529.009	359.357	-76,50%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (triệu đồng)	3.486	-99.873	-2.964,77%
Lợi nhuận khác (triệu đồng)	2.099	-38.827	-1.950,18%
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	5.585	-138.700	-2.583,52%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	111	-138.700	-12.5838,57%



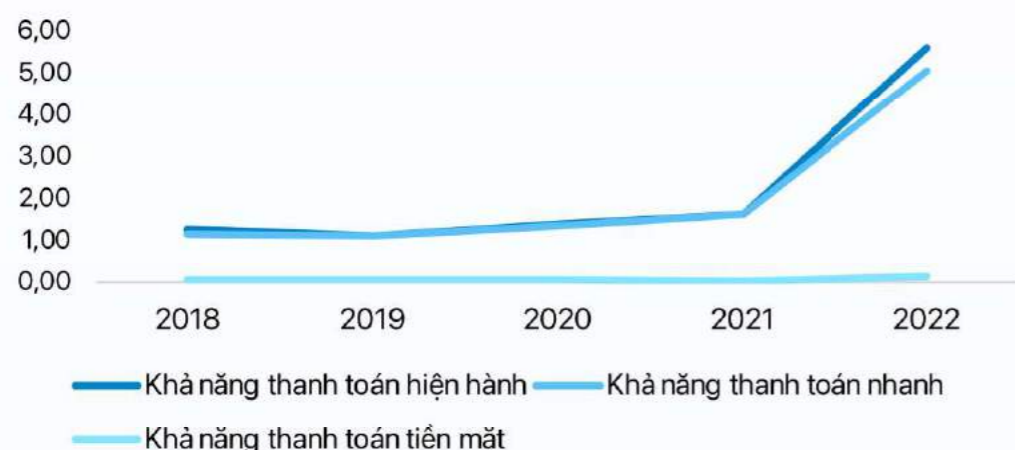
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số tài chính	2018	2019	2020	2021	2022
NHÓM CHỈ SỐ KHẢ NĂNG THANH KHOẢN					
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,27	1,12	1,40	1,63	6,10
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	1,16	1,11	1,37	1,63	5,55
Khả năng thanh toán tiền mặt (lần)	0,04	0,05	0,04	0,03	0,12
NHÓM CHỈ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN					
Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu (lần)	1,20	1,16	0,98	1,04	0,19
Hệ số nợ trên tổng nguồn vốn (lần)	0,54	0,54	0,49	0,51	0,16
Khả năng thanh toán lãi vay (lần)	1,01	-3,67	-2,42	0,08	-4,64
Đòn bẩy tài chính (lần)	2,20	2,16	1,98	2,04	1,19
NHÓM CHỈ SỐ VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG					
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	18,73	31,02	92,19	171,53	14,17
Vòng quay khoản phải thu (vòng)	2,57	1,82	1,75	2,19	0,58
Vòng quay tổng tài sản (vòng)	1,10	0,82	0,87	1,23	0,39
NHÓM CHỈ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI					
Biên lợi nhuận gộp (%)	3,47	1,21	-1,62	2,51	0,05
Biên lợi nhuận ròng (%)	2,71%	-12,10	-8,08	0,01	-38,60
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) (%)	6,99%	-21,56	-14,57	0,02	-25,14
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROA) (%)	2,98	-9,90	-7,02	0,01	-15,06

Nhóm chỉ số thanh khoản

Cả 3 chỉ tiêu về khả năng thanh khoản đều có xu hướng tăng trong giai đoạn 2018 - 2022. Năm 2022, chỉ tiêu khả năng thanh toán hiện hành và chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh có mức tăng đột biến so với năm 2021. Điều này xuất phát từ sự giảm mạnh cả về tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn, trong đó tài sản ngắn hạn giảm 26,69%, nợ ngắn hạn giảm 80,22%.

Khả năng thanh khoản



Nhóm chỉ số về năng lực hoạt động

Tốc độ bán hàng chậm hơn trong năm 2022 dẫn tới giá vốn hàng vốn giảm mạnh trong khi lượng hàng tồn kho tăng lên khiến vòng quay hàng tồn kho giảm mạnh so với năm 2021, cụ thể giảm 157,35 vòng. Năm 2022, doanh thu thuần và khoản phải thu đều giảm tuy nhiên doanh thu thuần giảm với tốc độ cao hơn dẫn tới vòng quay khoản phải thu giảm 1,62 vòng so với năm 2021. Tương tự với chỉ tiêu vòng quay tổng tài sản, tốc độ giảm của doanh thu thuần cao hơn tốc độ giảm của tổng tài sản dẫn tới vòng quay tổng tài sản giảm.

Năng lực hoạt động



Nhóm chỉ số thanh toán

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu và Hệ số nợ trên tổng nguồn vốn giảm mạnh trong năm 2022, do công ty đã giảm vay nợ. Nợ phải trả giảm mạnh, từ 644.912.142.353 đồng năm 2021, còn 92.929.398.243 đồng trong năm 2022, tương ứng giảm 85,60%. Hiện tại, công ty đang tiến hành tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh để có những phương án cân đối nguồn vốn phù hợp nhằm duy trì ổn định sức khỏe tài chính của mình trước tình hình sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn.

Khả năng thanh toán



Nhóm chỉ số về khả năng sinh lời

Năm 2022, tình hình sản xuất kinh doanh tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Lợi nhuận sau thuế âm dẫn tới các chỉ số về khả năng sinh lời cũng âm theo. Hiện tại, công ty đang nghiên cứu đầu tư, triển khai, mở rộng các hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả để cải thiện tình trạng trên.

Khả năng sinh lời



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tính đến hết ngày 31/12/2022, CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã phát hành 69.329.928 cổ phiếu
Trong đó:

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình

Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	Mã chứng khoán	QBS	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/CP
---------------	--------------------	----------------	-----	-------------------	----------------

Ngày bắt đầu giao dịch: 13/11/2014

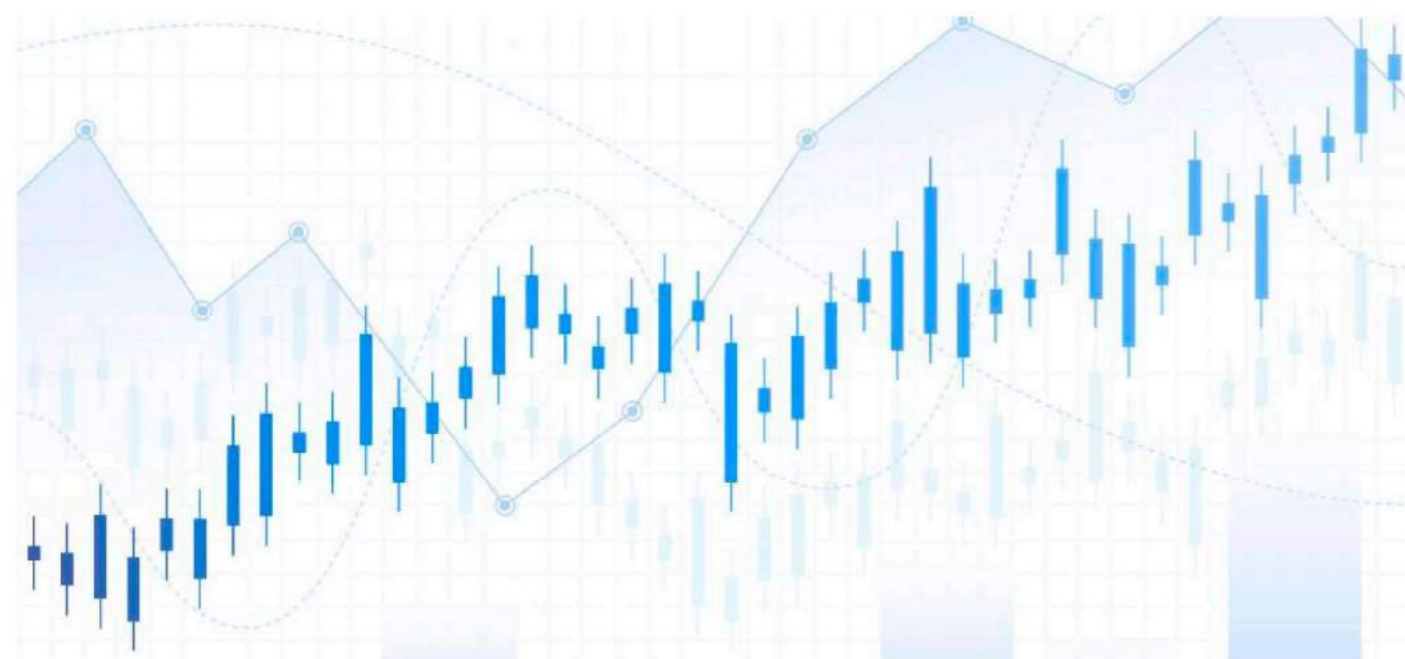
Số cổ phiếu phổ thông	69.329.928	Số cổ phiếu ưu đãi	-	Số cổ phiếu đang lưu hành	-
-----------------------	------------	--------------------	---	---------------------------	---

Tổng số cổ phiếu quỹ	-	Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	69.329.928	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	-
----------------------	---	---------------------------------------	------------	--	---

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2022: Không

Các chứng khoán khác

Năm 2022, Công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác



Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
	Cổ đông nhà nước	0	0	0
1	Cổ đông khác	8023	69.329.928	100%
	Tổng cộng	8023	69.329.928	100%
	Cổ đông lớn	1	9.200.579	13,27%
2	Cổ đông nhỏ	8022	60.129.349	86,73%
	Tổng cộng	8023	69.329.928	100%
	Cổ đông tổ chức	29	681.845	0,9835%
3	Cổ đông cá nhân	7994	68.648.083	99,0165%
	Tổng cộng	8023	69.329.928	100%
	Cổ đông trong nước	8022	69.329.758	0,0002%
4	Cổ đông nước ngoài	1	170	99,9998%
	Tổng cộng	8023	69.329.928	100%

Sở hữu của cổ đông lớn

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	9.200.579	13,27%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	Số cổ phiếu phát hành thêm	Giá trị phát hành thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi phát hành (đồng)	Phương thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn
Lần 1: 23/06/2010	380.000	3.800.000.000	4.800.000.000	Phát hành cổ phần riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	ĐHĐCĐ Công ty Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng
Lần 2: 15/11/2010	510.000	5.100.000.000	9.900.000.000	Phát hành cổ phần riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	ĐHĐCĐ Công ty Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng
Lần 3: 09/06/2011	1.010.000	10.100.000.000	20.000.000.000	Phát hành cổ phần riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	ĐHĐCĐ Công ty Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng
Lần 4: 31/01/2012	3.600.000	36.000.000.000	56.000.000.000	Phát hành cổ phần riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	ĐHĐCĐ Công ty Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng
Lần 5: 25/04/2014	26.400.000	264.000.000.000	320.000.000.000	Phát hành cổ phần riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	ĐHĐCĐ Công ty Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng
Lần 6: 03/12/2015	31.999.928	319.999.280.000	639.999.280.000	Phát hành cổ phiếu ra công chúng	ĐHĐCĐ Công ty Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng
Lần 7: 05/04/2017	5.330.000	53.300.000.000	693.299.280.000	Phát hành cổ phần riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược	ĐHĐCĐ Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không

Các chứng khoán khác

Không có

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

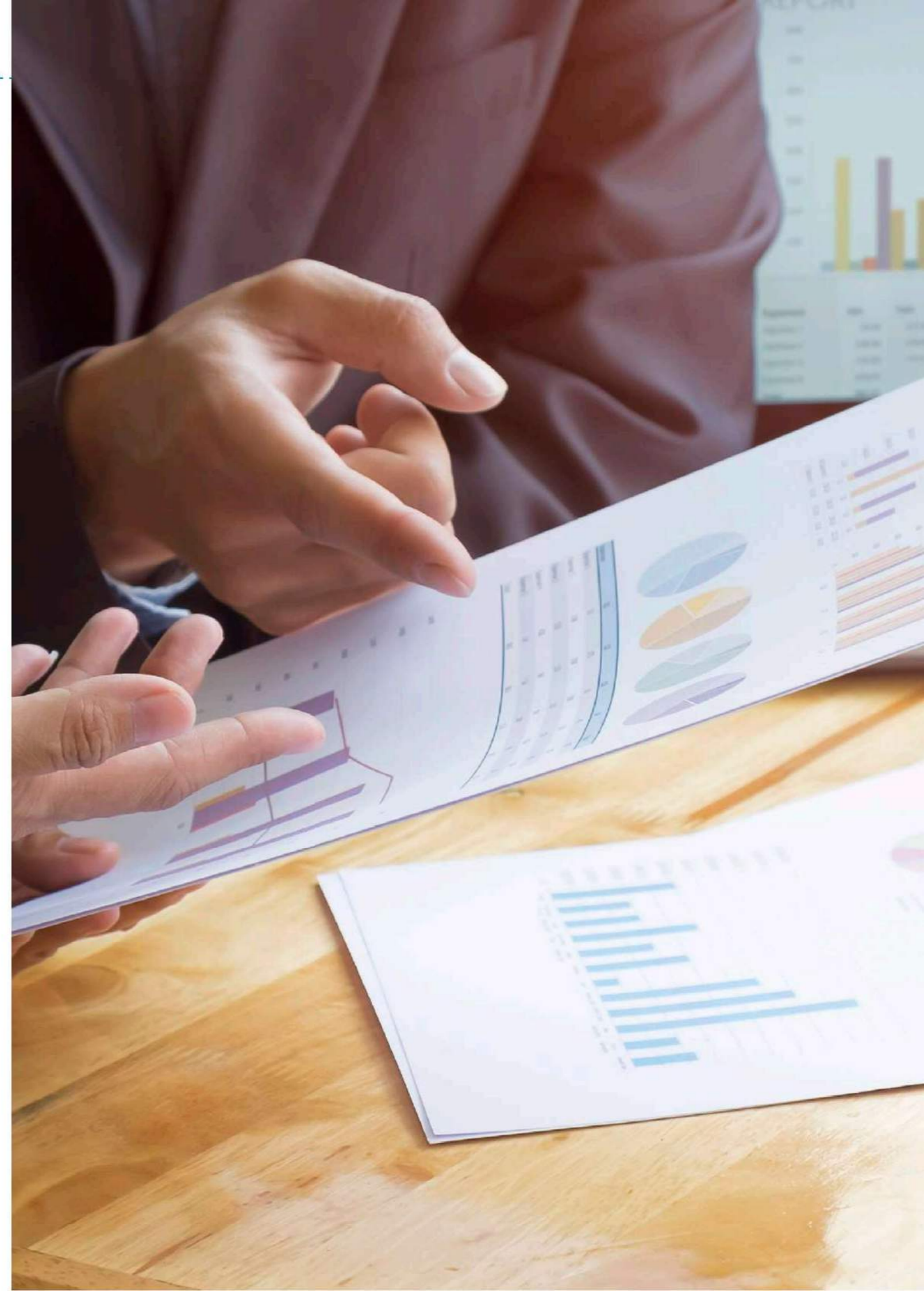
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
[50-52]

Tình hình tài chính
[53-54]

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách,
quản lý.**
[54]

Kế hoạch phát triển trong tương lai
[55]

**Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm
về môi trường và xã hội của công ty**
[56-57]



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng doanh thu năm 2022 đạt 359,36 tỷ đồng, giảm 1.163,77 tỷ đồng, tương ứng giảm 76,41% so với năm 2021. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 2,79 tỷ đồng, tương ứng giảm 88,9% so với năm 2021. Thu nhập khác tăng 31,52 đồng tỷ so với năm 2021 tương ứng tăng 646%.

Tổng giá vốn hàng bán giảm 1.104,93 tỷ đồng, tương ứng giảm 75,47% so với năm 2021. Chi phí tài chính giảm 88,39 tỷ đồng tương ứng giảm 182,2% so với năm 2021 do trong năm Công ty CP XNK Quảng Bình đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty CP Cảng Cạn Quảng Bình- Đình Vũ cho Công ty TNHH MTV trung tâm Logistic xanh. Sau khi hoàn tất chuyển việc chuyển nhượng cổ phần trên, công ty Quảng Bình đã được hoàn nhập số tiền đã trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con số tiền là 59,21 tỷ đồng. Đồng thời công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi năm 2022 là 143,32 tỷ đồng, tăng 132,395 tỷ đồng so với năm 2021.

Thu nhập khác tăng 31,52 tỷ đồng so với năm 2021 do công ty đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay tại ngân hàng Agribank chi nhánh Bắc Hải Phòng, số tiền lãi được giảm trừ là 36,38 tỷ đồng. Chi phí khác tăng 72,45 tỷ so năm 2021 do năm 2022 công ty thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 02 lô đất với tổng diện tích 6.810 m² tại xóm Suối Nảy, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với nguyên giá 80,4 tỷ đồng.

Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên tổng lợi nhuận sau thuế năm 2022 giảm 143,279 tỷ đồng so với năm 2021.

Kết quả sản xuất kinh doanh chi tiết trong năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022
1	Vốn điều lệ (triệu đồng)	693.299	693.299
	Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó: (triệu đồng)	800.000 – 1.000.000	359.357
	Doanh thu từ thương mại Phân bón (triệu đồng)		356.878
2	Doanh thu từ thương mại hóa chất (triệu đồng)		0
	Doanh thu từ mảng dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan và các dịch vụ khác (triệu đồng)		2.478
	Doanh thu từ thương mại các hàng hóa khác (triệu đồng)		
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	8.000	-138.700



Nhận xét chung

Ngành kinh doanh phân bón, hóa chất của Công ty không đạt hiệu quả do biến động về giá phân bón nhập khẩu và giá phân bón trong nước, tính cạnh tranh cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Đối với ngành phân bón

- Tiếp tục đà tăng trưởng năm 2021, năm 2022 các doanh nghiệp ngành phân bón có doanh thu và lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay.
- Tuy nhiên, bên cạnh việc có kết quả sản xuất kinh doanh tốt, song ngành phân bón trong nước cũng phải đối mặt trước rất nhiều khó khăn, thách thức vì những bất ổn của thị trường, những chính sách không phù hợp. Từ quý IV/2022 giá dầu khí tuy không tăng nhưng giá các loại phân bón lại liên tục giảm mạnh (đặc biệt là mặt hàng Urê), trong khi giá bán đầu ra thấp và chậm nên áp lực tồn kho và chi phí tài chính đang vô cùng lớn, biên lợi nhuận giảm nhanh chóng.
- Đặc biệt, sau khi Trung Quốc bắt đầu mở cửa trở lại và không còn hạn chế xuất khẩu 29 loại phân bón, nguồn cung phân bón trên thị trường thế giới không còn tình trạng khan hiếm cục bộ, lại càng ảnh hưởng đến tính cạnh tranh trên thị trường.

Đối với ngành hàng hóa chất

- Do ảnh hưởng chung sau đại dịch, nguồn hàng cung cấp trong nước khó cạnh tranh với nguồn hàng nước ngoài, cũng như các nhà máy sản xuất phân bón trong nước gặp khó khăn khi mua dự trữ nguyên liệu lúc giá cao, khiến giá thành sản xuất phân bón cao, việc bán hàng của các nhà máy sản xuất phân bón lớn trong nước chậm lại, hơn nữa, việc thiếu hụt nguyên liệu quặng trong nước khiến việc sản xuất phân bón ngừng trệ gần nửa năm 2022, nên công ty chưa thể đẩy mạnh thương mại mặt hàng hóa chất.

Kho bãi và các dịch vụ khác

- Năm 2022 tiếp tục ghi nhận doanh thu từ mảng cho thuê kho bãi do nhiều lý do khách quan dẫn đến kế hoạch xuất hàng của các khách hàng cũ bị chậm lại, tồn kho còn nhiều, nhu cầu sử dụng dịch vụ kho bãi cao.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2022, Tổng tài sản đạt 578,455 tỷ đồng, giảm 684,493 tỷ đồng tương ứng với mức giảm 54,20% so với đầu năm. Trong đó:

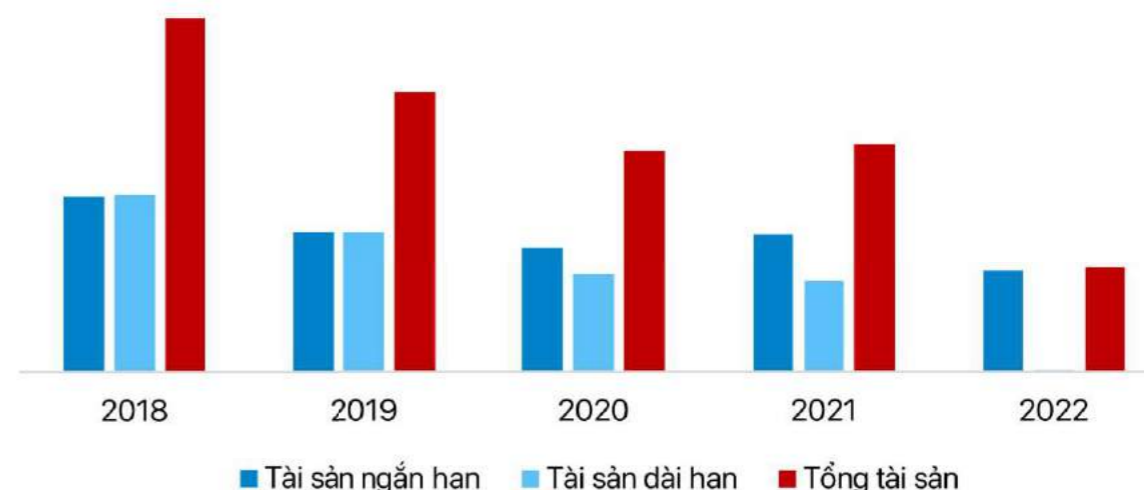
Tài sản ngắn hạn đạt 561,460 tỷ đồng, giảm 204,450 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 26,69% so với đầu năm. Tài sản ngắn hạn chiếm 97,06% quy mô tổng tài sản, chủ yếu giảm mạnh ở các khoản phải thu ngắn hạn, giảm 248,855 tỷ đồng, tương ứng giảm 33,22% so với năm 2021.

Tài sản dài hạn của Công ty chiếm 2,94% tổng tài sản, giảm 408,082 tỷ đồng tương đương giảm 96,58% so với đầu năm; chủ yếu đến từ việc giảm tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn. Hai khoản mục này giảm lần lượt là 82,687 tỷ đồng và 385,892 tỷ đồng.

Đối với nợ phải thu quá hạn, tại 31/12/2022, dự phòng phải thu khó đòi của Công ty là 143,315 tỷ đồng, tăng hơn 132,880 tỷ đồng, tương ứng tăng 1273,46% so với đầu năm.

	Năm 2021		Năm 2022		%Thay đổi
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn (triệu đồng)	765.910	60,64%	561.460	97,06%	-26,69%
Tài sản dài hạn (triệu đồng)	497.037	39,36%	16.994	2,94%	-96,58%
Tổng tài sản	1.262.947	100,00%	578.455	100,00%	-54,20%

Tình hình tài sản



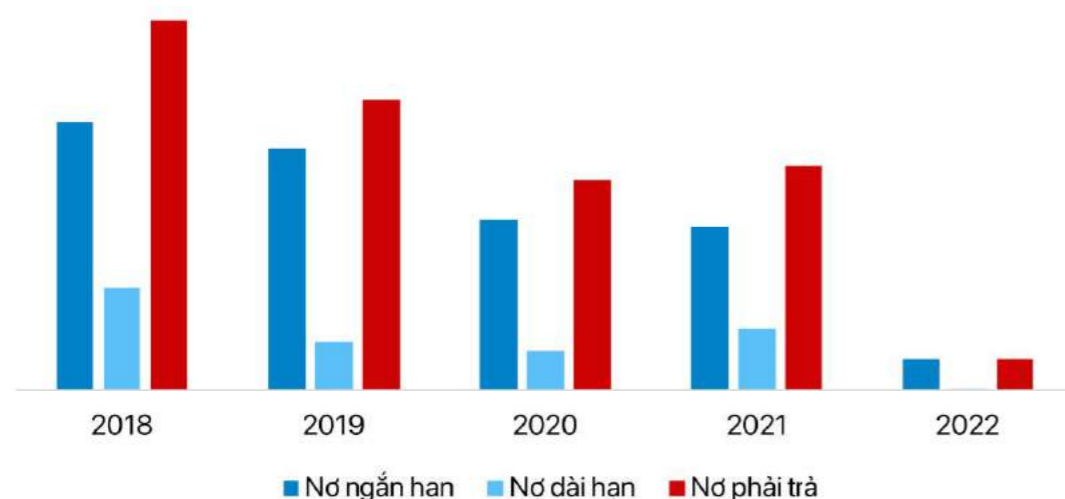
Tình hình nợ phải trả

Tính đến hết ngày 31/12/2021, nợ phải trả của Công ty là 92,929 tỷ đồng, giảm 551,983 tỷ đồng, tương đương giảm 85,60% so với đầu năm; chiếm 16,07% tổng nguồn vốn.

Trong đó, nợ ngắn hạn là 92,112 tỷ đồng, chiếm 99,12% tổng nợ phải trả; Nợ dài hạn là 816,666 triệu đồng, chiếm 0,88% tổng nợ phải trả. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã thanh toán các khoản phải trả người bán, khoản phải trả ngắn hạn khác và vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

	Năm 2021		Năm 2022		%Thay đổi
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn (triệu đồng)	469,914	72,86%	92,112	99,12%	-80,40%
Nợ dài hạn (triệu đồng)	174,997	27,14%	0,816	0,88%	-99,53%
Nợ phải trả	644,912	100,00%	92,929	100,00%	-85,59%

Tình hình nợ phải trả



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Không

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Mảng phân bón

- Tiếp tục tìm kiếm, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của năm, tăng cường công tác phối hợp với các đối tác, đại lý và đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa
- Đồng thời, Công ty tăng cường các giải pháp tiết giảm chi phí, giải pháp về thị trường, mở rộng thị trường quốc tế. Đề xuất, triển khai chính sách bán hàng với số lượng lớn, hỗ trợ vận chuyển linh hoạt tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm
- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội kết nối đến các khách hàng có nhu cầu để trở lại tăng trưởng bán hàng lưu huỳnh và axit sulphuric trong thị trường nội địa. Dự kiến kế hoạch đề ra nhập khẩu 10.000 tấn trong năm 2023.
- Bám sát tình hình thị trường, thời tiết, mùa vụ xây dựng chương trình hỗ trợ bán hàng đúng thời điểm, hiệu quả tối ưu các nguồn kinh phí.

Một số vấn đề khác

- Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, dòng tiền để chống việc rủi ro liên quan đến các vấn đề tài chính, nợ xấu.
- Khuyến khích việc đưa ra các sáng kiến, ý tưởng, dự án nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao được hiệu quả công việc.
- Liên tục cập nhật và xây dựng các chính sách nhằm giữ nhân lực chủ chốt và hấp dẫn thu hút nguồn nhân lực.
- Chủ động, linh hoạt thích ứng trong xây dựng kế hoạch, cân đối nguồn lực, tổ chức thực hiện, quản trị quá trình thực hiện.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại dịch vụ - xuất nhập khẩu, Công ty hiện không có nhà máy sản xuất, hoạt động chủ yếu tại các khối văn phòng. Vì vậy Công ty không trực tiếp liên quan đến vấn đề xử lý chất thải do quá trình sản xuất tạo ra. Tuy nhiên, ý thức về vấn đề bảo vệ môi trường trong Công ty vẫn luôn được đề cao, một trong số đó là ý thức về việc tiết kiệm tài nguyên nước và điện năng. Công ty luôn nhắc nhở kịp thời những cá nhân, tập thể chưa có ý thức trong việc sử dụng tiết kiệm điện và nước

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về người lao động

Ban giám đốc đánh giá cao các chính sách của QBS đối với người lao động như chính sách phát triển nguồn nhân lực, chính sách lương – thưởng, chính sách phúc lợi – đãi ngộ, chính sách đào tạo – tuyển dụng. Công ty luôn có sự quan tâm kịp thời đối với người lao động, giữ chân những lao động có kinh nghiệm lâu năm đồng thời đào tạo phát triển những nhân lực trẻ, có năng lực.

Ban giám đốc cũng tham gia vào quá trình xây dựng các chính sách dành cho người lao động để vừa phù hợp với pháp luật hiện hành cũng vừa đảm bảo người lao động được hưởng những quyền lợi tốt nhất.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp tới cộng đồng địa phương

Một trong những mục tiêu hoạt động của QBS là có thể đóng góp cho địa phương, góp phần tăng trưởng kinh tế của Hải Phòng. Công ty tiếp tục duy trì chương trình Tết ấm no, dành tặng 60 suất quà (bao gồm tiền và hiện vật) cho các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn tại xã Đông Sơn, Tân Dương (huyện Thủy Nguyên), phường Hạ Lý (quận Hồng Bàng) và 20 suất quà cho nạn nhân chất độc màu da cam của huyện Thủy Nguyên. Qua đó đưa hình ảnh Công ty trở nên gần gũi hơn, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm của toàn thể cán bộ công nhân viên với cộng đồng

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

[60]

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

[60]

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

[61]



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022 là năm mà cả nước cùng chung tay chống dịch lại dịch bệnh Covid-19, đồng thời xây dựng nên kinh tế sau những thiệt hại do ảnh hưởng của dịch bệnh và Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, với tinh thần luôn nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách và thích ứng nhanh với diễn biến thị trường, mọi mặt hoạt động của Quảng Bình đều luôn cố gắng hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đề ra nhằm đảm bảo công việc cho người lao động, đảm bảo vấn đề an sinh xã hội.

Mặt khác, công ty cũng rất chú trọng đến vấn đề môi trường. Là công ty có hoạt động xuất nhập khẩu phân bón, hóa chất, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình luôn đề cao vấn đề môi trường, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về vấn đề môi trường.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Thông qua hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc cho thấy, Ban Giám đốc đã khẩn trương, nghiêm túc quán triệt và chỉ đạo, điều hành triển khai đầy đủ, kịp thời các định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, cũng như các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao; báo cáo đầy đủ, kịp thời đến Hội đồng quản trị về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo định kỳ và khi có yêu cầu.

Trong năm 2022, vẫn phải chịu các tác động nghiêm trọng của dịch Covid – 19, cùng với đó là tình hình phức tạp của nền kinh tế, nhưng theo định hướng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã linh hoạt trong công tác điều hành mọi hoạt động công ty. Ban Giám đốc luôn nỗ lực, đưa ra các định hướng phát triển để đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2022. Hội đồng quản trị đánh giá rất cao năng lực điều hành của tập thể Ban Tổng Giám đốc và đặc biệt là vai trò của người đứng đầu của Tổng Giám đốc.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở dự báo môi trường kinh tế kinh doanh năm 2023 và đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển của năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đặt mục tiêu phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng để thu hồi vốn chi trả cho các khoản gốc và lãi quá hạn thanh toán với ngân hàng và nhà cung cấp;
- Nghiên cứu đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh vào các lĩnh vực mới có hiệu quả hơn đồng thời rà soát, cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng gia tăng hiệu quả, triển khai các biện pháp quyết liệt để cải thiện và thúc đẩy hoạt động của Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, kiểm toán nội bộ để nâng cao hoạt động hiệu quả của công ty, ngăn chặn, xử lý nghiêm, kịp thời các trường hợp vi phạm.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
[64-66]

Ban Kiểm soát
[66-67]

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
[68-69]



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/Không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch	21/07/2022	
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch		21/07/2022
3	Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên	20/04/2020	
4	Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên	23/04/2021	

Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Bà Vũ Thị Dương	11	47,80%	Được bầu làm Chủ tịch HĐQT từ 21/07/2022
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	12	52,2%	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ 21/07/2022
3	Bà Hà Thị Mai Hương	23	100%	
4	Bà Lê Thị Thanh Hải	23	100%	

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động điều hành, quản lý công ty và triển khai các kế hoạch của Ban Giám đốc.

Hội đồng quản trị đã chủ trì nhiều cuộc họp về việc triển khai các kế hoạch, dự án nhằm xây dựng và phát triển kế hoạch kinh doanh của công ty, các buổi họp liên quan đến cơ cấu lại các danh mục đầu tư tài chính, bổ nhiệm nhân sự, và các vấn đề quan trọng khác.

Trong thời gian vừa qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để thông qua các kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, phương hướng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Tuy nhiên vì lý do khách quan, Đại hội đồng cổ đông thường niên không đủ số cổ phần tham dự theo quy định của pháp luật hiện hành, không đủ điều kiện tiến hành họp tại 2 lần tổ chức, và tổ chức thành công vào lần thứ ba.

Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2022

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01-02/2022/NQ-HĐQT	24/02/2022	Thông qua việc thay đổi đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021	100%
2	01-03/2022/NQ-HĐQT	07/03/2022	Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
3	02-03/2022/NQ-HĐQT	15/03/2022	Thông qua điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư Dự án ICD Quảng Bình – Đĩnh Vũ	100%
4	03-03/2022/NQ-HĐQT	18/03/2022	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần XNK Hà Nội	100%
5	04-03/2022/NQ-HĐQT	23/03/2022	Thông qua hủy ngày ĐKCC, lùi lịch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và thông qua ngày ĐKCC mới	100%
6	05-03/2022/NQ-HĐQT	28/03/2022	Thông qua việc thay đổi tên trên hồ sơ, giấy tờ có liên quan của dự án Cảng cạn Quảng Bình – Đĩnh Vũ	100%
7	01-04/2022/NQ-HĐQT	04/04/2022	Thông qua đối tác nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đĩnh Vũ	100%
8	02-04/2022/NQ-HĐQT	12/04/2022	Thông qua nội dung cam kết không hủy ngang với Công ty TNHH MTV Quản lý Tài sản (VAMC)	100%
9	03-04/2022/NQ-HĐQT	12/04/2022	Thông qua việc ký hợp đồng thế chấp cổ phần tại Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình – Đĩnh Vũ	100%
10	01-05/2022/NQ-HĐQT	30/05/2022	Thành lập Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
11	01-06/2022/NQ-HĐQT	01/06/2022	Thông qua họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 lần thứ 2	100%
12	02-06/2022/NQ-HĐQT	29/06/2022	Thông qua họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 lần thứ 3	100%

13	01-07/2022/NQ-HĐQT	06/07/2022	Thông qua việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ	100%
14	02-07/2022/NQ-HĐQT	19/07/2022	Thông qua việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
15	03-07/2022/NQ-HĐQT	21/07/2022	Thông qua việc bầu chủ tịch HĐQT mới	100%
16	04-07/2022/NQ-HĐQT	21/07/2022	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán	100%
17	07-07A/2022/NQ-HĐQT	21/07/2022	Thông qua ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh Hương ký giấy tờ cho đến khi có ĐKKD thay đổi người đại diện pháp luật là Chủ tịch HĐQT mới	100%
18	05-07/2022/NQ-HĐQT	22/07/2022	Thông qua việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	100%
19	06-07/2022/NQ-HĐQT	27/07/2022	Thông qua bổ nhiệm Cố vấn kiêm Giám đốc Tài chính	100%
20	07-07/2022/NQ-HĐQT	27/07/2022	Thông qua ủy quyền cho Cố vấn kiêm Giám đốc Tài chính	100%
21	08-07/2022/NQ-HĐQT	28/07/2022	Về việc thanh lý xe ô tô cũ	100%
22	01-09/2022/NQ-HĐQT	19/09/2022	Thông qua ủy quyền các công việc liên quan dự án ICD cho Cố vấn kiêm Giám đốc tài chính	100%
23	01-11/2022/NQ-HĐQT	15/11/2022	Thông qua chấm dứt dự án nhà máy NPK	100%

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng BKS	05/03/2014	Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển
2	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	05/03/2014	Cử nhân ngoại ngữ
3	Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên BKS	24/03/2017	Cử nhân kế toán

Cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Bà Đặng Thị Phương Thảo	03	100%	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	03	100%	100%	
3	Bà Trần Thị Thu Trang	03	100%	100%	

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Đầu năm 2022, Ban Kiểm soát đã tiến hành họp để phân công nhiệm vụ của từng thành viên và thống nhất kế hoạch kiểm soát hoạt động của công ty. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2022.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quy định, chính sách Nhà nước ban hành cũng như triển khai các kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển.

Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Tổng Giám đốc Công ty/ Cố vấn kiêm Giám đốc Tài chính thực hiện triển khai các kế hoạch kinh doanh và các hồ sơ liên quan đến hoạt động của công ty.

Đối với cổ đông: Trong năm 2022, Ban Kiểm soát không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty, các kế hoạch HĐQT và Ban Giám đốc đề ra cũng như giám sát hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã cung cấp kịp thời các Nghị quyết HĐQT và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát thu thập các thông tin theo yêu cầu.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

Mức thù lao của HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc

STT	Chức danh	Thù lao trung bình (đồng/người/tháng)
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	9.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	7.200.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	8.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	6.000.000
5	Tổng Giám đốc	10.900.000
6	Phó Tổng Giám đốc đối ngoại	11.000.000

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật

Tham gia các hội nghị, hội thảo do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh tổ chức để cập nhật các quy định, nghị định mới

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Thực	Chồng Bà Trần Thị Thu Trang – Thành viên Ban Kiểm soát	14.950	0,02%	0	0%	Giảm tỉ lệ sở hữu
2	Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát	3.450	0,005%	0	0%	Giảm tỉ lệ sở hữu
3	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	5.750	0,008%	0	0%	Giảm tỉ lệ sở hữu
4	Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	3.450	0,005%	0	0%	Giảm tỉ lệ sở hữu

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu chung

[72]

Các chỉ tiêu phát triển bền vững

[72]

Phát triển cộng đồng

[73]

Hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

[73]



MỤC TIÊU CHUNG

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thương mại phân bón, hóa chất, QBS luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và cam kết cung cấp đến các đối tác, khách hàng sản phẩm chất lượng cao - thân thiện môi trường nhằm góp phần cho sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp Việt Nam.

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguồn nguyên vật liệu

QBS hoạt động trong lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu nên các nguồn nguyên vật liệu Công ty sử dụng chủ yếu là các nguyên vật liệu thô và lượng sử dụng là không đáng kể.



Tiêu thụ năng lượng trực tiếp và gián tiếp

Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong đó chủ yếu là hoạt động văn phòng của cán bộ công nhân viên, Công ty tiêu thụ nguồn năng lượng đến từ điện. Năm 2022, Công ty đã áp dụng triệt để các giải pháp tiết kiệm điện, chi phí tiêu thụ điện năm 2022 giảm từ 10% - 30% so với năm 2021.

Sắp tới, QBS đang xem xét định hướng trong các năm tới sẽ thay thế các thiết bị hiện tại bằng các thiết bị tiết kiệm điện năng đồng thời vẫn đảm bảo được hiệu suất hoạt động



Tiêu thụ nước

Công ty luôn chú trọng trong việc có thể góp phần tiết kiệm các tài nguyên thiên nhiên thông qua sử dụng tiết kiệm điện, nước.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường không chỉ trong khu vực làm việc của cán bộ công nhân viên mà còn cả các khu vực khuôn viên xung quanh Công ty.



PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Hoạt động công tác xã hội tại địa phương

Công ty CP XNK Quảng Bình tiếp tục duy trì Chương trình Tết ấm no, dành tặng 60 suất quà (bao gồm tiền và hiện vật) cho các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn tại xã Đông Sơn, Tân Dương (huyện Thủy Nguyên), phường Hạ Lý (quận Hồng Bàng) và 20 suất quà cho nạn nhân chất độc màu da cam của huyện Thủy Nguyên.

Hoạt động thiện nguyện định kỳ

Công ty CP XNK Quảng Bình đại diện tài trợ đi học cho cháu bé 3 tuổi có hoàn cảnh đặc biệt được đi học tại trường mầm non từ tháng 3/2022.

Công ty CP XNK Quảng Bình phối hợp thực hiện chương trình trao quà định kỳ hàng tháng cho bệnh nhi mắc bệnh hiểm nghèo, nan y có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại Bệnh viện Nhi Trung ương bắt đầu từ tháng 11/2022.



HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

QBS vẫn đang thực hiện đầy đủ hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022

Báo cáo của Ban điều hành
[79-80]

Báo cáo kiểm toán độc lập
[81-82]

Bảng cân đối kế toán
[83-84]

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
[85]

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
[86-87]

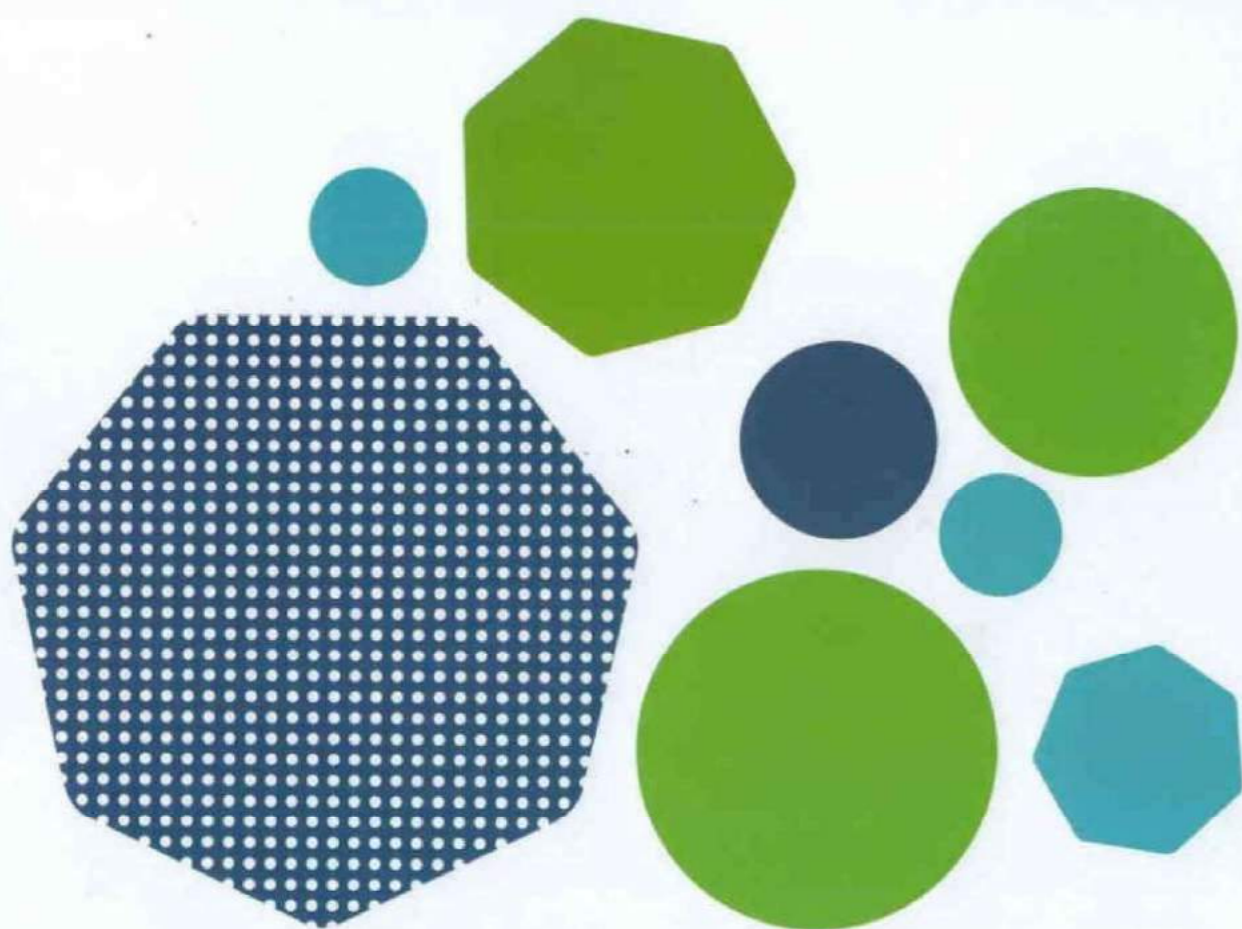
Thuyết minh báo cáo tài chính
[88-118]



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022



Thành viên độc lập của Hãng UHY Quốc tế

*Giúp Khách hàng
phát triển thịnh vượng*

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
• THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây được gọi là "Công ty") để trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch	(Bỏ nhiệm ngày 21/07/2022)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch	(Từ nhiệm ngày 21/07/2022)
Bà Hà Thị Mai Hương	Thành viên	
Bà Lê Thị Thanh Hải	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện đã được thuyết minh tại Thuyết minh số 32.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Vũ Thị Dương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Số: 350 /2023/UHY-HN/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/03/2023, từ trang 06 đến trang 41 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 32.2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm 2022, doanh thu của Công ty giảm 76,41% so với năm 2021, kết quả kinh doanh lỗ 138.700.489.817 đồng, lỗ lũy kế 220.217.002.727 đồng và dòng tiền lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh âm 104.388.281.513 đồng. Các vấn đề này cùng với những vấn đề khác được nêu tại Thuyết minh số 32.2 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác và đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại ngày 28/03/2022 do không được tham gia chứng kiểm kê hàng tồn kho tại ngày kết thúc niên độ.



Đặng Minh Đức
Giám đốc
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 4885-2020-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Trần Hồng Giang
Kiểm toán viên
Giấy ĐKHN Kiểm toán số:3893-2022-112-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Mẫu số B01-DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		561.460.392.378	769.336.089.430
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.852.051.281	13.097.514.020
Tiền	111		852.051.281	3.097.514.020
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		500.337.057.963	754.825.107.483
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	566.369.527.340	754.478.646.236
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	76.948.704.893	8.382.192.893
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1.965.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	334.045.389	433.887.855
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(143.315.219.659)	(10.434.619.501)
Hàng tồn kho	140	10	50.039.495.798	652.087.280
Hàng tồn kho	141		50.039.495.798	652.087.280
Tài sản ngắn hạn khác	150		231.787.336	761.380.647
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.369.770	110.890.473
Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.417.566	650.490.174
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	210.000.000	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.994.632.435	486.746.051.173
Tài sản cố định	220		12.759.327.989	95.446.255.947
Tài sản cố định hữu hình	221	13	12.759.327.989	15.046.255.947
- Nguyên giá	222		20.597.334.495	23.554.198.131
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.838.006.506)	(8.507.942.184)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	80.400.000.000
- Nguyên giá	228		-	80.400.000.000
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.188.407.637
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.188.407.637
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	4.219.882.432	390.111.387.589
Đầu tư vào công ty con	251		-	432.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		4.560.000.000	20.160.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(340.117.568)	(62.048.612.411)
Tài sản dài hạn khác	260		15.422.014	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	15.422.014	-
TỔNG TÀI SẢN	270		578.455.024.813	1.256.082.140.603

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2022

Mẫu số B01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		92.929.398.243	631.856.024.216
Nợ ngắn hạn	310		92.112.731.588	468.257.607.557
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	6.980.833.810	109.629.662.701
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		214.783.600	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	56.354.803	545.961.989
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	34.842.535.241	116.180.008.765
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	42.241.999.997	234.125.749.965
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
Nợ dài hạn	330		816.666.655	163.598.416.659
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	816.666.655	163.598.416.659
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		485.525.626.570	624.226.116.387
Vốn chủ sở hữu	410	18	485.525.626.570	624.226.116.387
Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(220.217.002.727)	(81.516.512.910)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(81.516.512.910)	(86.095.889.432)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(138.700.489.817)	4.579.376.522
TỔNG NGUỒN VỐN	440		578.455.024.813	1.256.082.140.603

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thị Dương



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

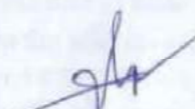
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B02-DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	359.357.021.692	1.523.133.726.355
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		359.357.021.692	1.523.133.726.355
Giá vốn hàng bán	11	20	359.170.471.955	1.464.100.865.514
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		186.549.737	59.032.860.841
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	348.804.164	3.143.206.708
Chi phí tài chính	22	22	(39.876.285.008)	48.511.853.480
* Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.508.602.092	43.954.870.693
Chi phí bán hàng	25	23	1.056.974.720	196.879.496
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	139.227.729.712	9.691.043.808
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(99.873.065.523)	3.776.290.765
Thu nhập khác	31	24	36.398.137.926	4.877.867.587
Chi phí khác	32	25	75.225.562.220	2.779.160.196
Lợi nhuận khác	40		(38.827.424.294)	2.098.707.391
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(138.700.489.817)	5.874.998.156
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	1.295.621.634
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(138.700.489.817)	4.579.376.522
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(2.001)	66
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	(2.001)	66

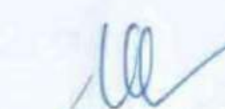
Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng



Trần Thị Yến Chi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thị Dương



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B03-DN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		(138.700.489.817)	5.874.998.156
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.378.389.500	1.487.038.485
Các khoản dự phòng	03		71.172.105.315	6.152.562.201
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		323.593.368	333.102.071
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		74.376.822.476	(261.297.484)
Chi phí lãi vay	06		21.508.602.092	43.954.870.693
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.059.022.934	57.541.274.122
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		120.024.124.138	(107.193.451.629)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(48.518.546.336)	16.076.968.495
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(138.835.226.374)	(65.131.172.456)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		94.098.689	(1.965.114)
Tiền lãi vay đã trả	14		(66.456.132.930)	(539.088.947)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(755.621.634)	(954.870.015)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(104.388.281.513)	(100.202.305.544)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.902.727.273	1.960.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.600.000.000)	(4.765.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.565.000.000	12.800.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		447.600.000.000	34.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		335.876.630	1.520.134.323
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		456.803.603.903	45.515.134.323

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B03-DN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		-	58.577.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(354.665.499.972)	(1.902.999.972)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(354.665.499.972)	56.674.000.028
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.250.177.582)	1.986.828.807
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	13.097.514.020	11.110.233.020
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.714.843	452.193
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	10.852.051.281	13.097.514.020

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Thị Thanh Thúy

Trần Thị Yến Chi

Vũ Thị Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình, (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200730878 ngày 12/03/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 30 vào ngày 29/07/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty ngày 31/12/2022 là 693.299.280.000 đồng chia thành 69.329.928 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 69.329.928 cổ phiếu niêm yết tương ứng 693.299.280.000 đồng với mã chứng khoán là QBS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 27 người (tại ngày 31/12/2021 là 36 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ xuất khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón, bán buôn hóa chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy).

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và dịch vụ

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty có 1 đơn vị phụ thuộc là Chi nhánh tại Quảng Bình với hoạt động kinh doanh chính là thương mại và dịch vụ.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán.

3730878
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31/12/2022.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3730878
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
HẢI PHÒNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.2 NGOẠI TỆ (TIẾP)

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp

đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được).

Tại ngày 31/12/2022, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.7 TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 06
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 2 năm.

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh.

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu kinh doanh thương mại các mặt hàng phân bón, hóa chất và cho thuê lại kho, cho thuê ô tô,.....

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá, dự phòng đầu tư tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này; các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	279.801.979	273.731.839
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	572.249.302	2.823.782.181
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	10.852.051.281	13.097.514.020

(*) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 10.000.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng với lãi suất 4%/năm. Đây là hợp đồng tiền gửi kỳ quỹ có kỳ hạn nhằm mục đích đảm bảo thực hiện điều kiện kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	4.560.000.000	(340.117.568)	(*)	(*)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	4.560.000.000	(340.117.568)	(*)	(*)
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	-	-	-	(*)
Cộng	4.560.000.000	(340.117.568)	(*)	(*)

(*) Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Thông tin chi tiết về các Công ty được góp vốn tại ngày 31/12/2022 như sau:

Đầu tư vào công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	Số 14 Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	19%	19%	Kinh doanh thương mại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

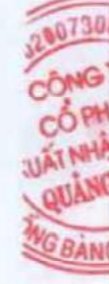
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	566.369.527.340	(136.480.886.330)	754.478.646.236	(3.533.489.372)
- Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy Thành phố Nam Ninh	9.595.261.492	(6.716.683.044)	10.028.308.433	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	106.841.350.000	(4.493.205.000)	178.676.350.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và TM Quốc tế Bình Minh Việt	154.341.017.458	(14.856.000.000)	281.841.995.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình vũ	107.316.072.995	(107.316.072.995)	116.148.072.995	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương	6.582.754.985	-	84.662.050.000	-
- Công ty Cổ phần Coparadise Việt Nam	-	-	70.346.200.000	-
- Công ty TNHH TM và Đầu tư Hoàng Cầu	119.994.850.000	-	-	-
- Công ty Cổ Phần XNK Hà Nội	51.740.000.000	-	-	-
- Khách hàng khác	9.958.220.410	(3.098.925.291)	12.775.669.808	(3.533.489.372)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	566.369.527.340	(136.480.886.330)	754.478.646.236	(3.533.489.372)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.1



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	76.948.704.893	(6.685.116.707)	8.382.192.893	(6.751.913.507)
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn - VT	35.222.400.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hoá chất Phúc Lâm	4.465.825.912	(4.465.825.912)	4.465.825.912	(4.465.825.912)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và XNK Trần Trang	31.280.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn AZ	2.265.000.000	-	-	-
- Khách hàng khác	3.715.478.981	(2.219.290.795)	3.916.366.981	(2.286.087.595)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	76.948.704.893	(6.685.116.707)	8.382.192.893	(6.751.913.507)

Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.1

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	334.045.389	(149.216.622)	433.887.855	(149.216.622)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	72.328.767	-	59.671.233	-
- Ký cược, ký quỹ	112.500.000	-	225.000.000	-
- Phải thu khác	149.216.622	(149.216.622)	149.216.622	(149.216.622)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	334.045.389	(149.216.622)	433.887.855	(149.216.622)

Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.1



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	31/12/2022		01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	4.465.825.912	4.465.825.912
- Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	2.863.598.538	2.863.598.538
- Công ty Cổ phần EEI	210.000.000	-	210.000.000	-	210.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Trung Nguyên	4.650.000	-	4.650.000	-	4.650.000
- Al Hamd Argo Food Products PVT.Ltd	701.400.000	-	701.400.000	-	701.400.000
- ALRVAK LTD	698.436.360	-	698.436.360	-	698.436.360
- M/S Blue Park SeaFood SPVT.Ltd	115.260.000	-	115.260.000	-	115.260.000
- Hong Kong Jun YU International Import and Export Trading Co, Ltd	76.440.621	22.932.186	53.508.435	171.864.621	120.305.235
- Iber Digest S.L	208.071.000	-	208.071.000	-	208.071.000
- Siddiq Sea Food	114.120.000	-	114.120.000	-	114.120.000
- South Fish SeaFood S.A.C	113.845.000	-	113.845.000	-	113.845.000
- Công ty TNHH TM Hóa chất An Phát	43.647.749	-	43.647.749	-	43.647.749
- YonShing Trade Co.Ltd	191.679.004	-	191.679.004	-	191.679.004
- Cano Pus Inter - Trade Pre Ltd	149.216.622	-	149.216.622	-	149.216.622
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	-	-	-	869.128.162	434.564.081
- Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy Thành phố Nam Ninh	9.595.261.492	2.878.578.448	6.716.683.044	-	-
- Công ty CP Phát triển Phân bón Đình Vũ	107.316.072.995	-	107.316.072.995	-	-
- Công ty CP Thương mại Abavia Việt Nam	37.427.350.000	32.934.145.000	4.493.205.000	-	-
- Công ty CP Đầu tư và TM Quốc tế Bình Minh Việt	85.861.577.458	71.005.577.458	14.856.000.000	-	-
Cộng	250.156.452.751	106.841.233.092	143.315.219.659	10.920.742.968	10.434.619.501

AVG

23



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công cụ, dụng cụ	-	-	652.087.280	-
- Hàng hóa	50.039.495.798	-	-	-
Cộng	50.039.495.798	-	652.087.280	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.369.770	110.890.473
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	21.116.950
- Các khoản khác	1.369.770	89.773.523
Dài hạn	15.422.014	-
- Công cụ dụng cụ phân bổ	8.935.856	-
- Các khoản khác	6.486.158	-
Cộng	16.791.784	110.890.473

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Trong năm, Công ty đã tiến hành chuyển nhượng toàn bộ tài sản cố định vô hình là 2 thửa đất tại xóm Suối Nậy, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình với tổng số tiền thu được là 6.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2022	13.610.327.718	397.272.773	8.715.476.816	831.120.824	23.554.198.131
- Thanh lý, nhượng bán	(2.436.363.636)	-	(520.500.000)	-	(2.956.863.636)
31/12/2022	11.173.964.082	397.272.773	8.194.976.816	831.120.824	20.597.334.495
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2022	(3.187.351.332)	(397.272.773)	(4.157.646.135)	(765.671.944)	(8.507.942.184)
- Khấu hao trong năm	(495.701.982)	-	(845.522.676)	(37.164.842)	(1.378.389.500)
- Thanh lý, nhượng bán	1.599.393.928	-	448.931.250	-	2.048.325.178
31/12/2022	(2.083.659.386)	(397.272.773)	(4.554.237.561)	(802.836.786)	(7.838.006.506)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2022	10.422.976.386	-	4.557.830.681	65.448.880	15.046.255.947
31/12/2022	9.090.304.696	-	3.640.739.255	28.284.038	12.759.327.989

- Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 10.033.119.013 VND;
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 1.050.556.997 VND, tại ngày 01/01/2022 là 786.042.332 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	6.980.833.810	6.980.833.810	109.629.662.701	109.629.662.701
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và XNK Trần Trang	-	-	76.092.200.000	76.092.200.000
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn - VT	-	-	19.648.827.780	19.648.827.780
- Công ty Cổ phần Liên doanh Nông Lâm Sản Việt Lào	-	-	7.141.300.000	7.141.300.000
- Công ty Cổ phần Công nghiệp lạnh Hưng Trí	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000	1.262.500.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất tại Hải Phòng	888.362.000	888.362.000	888.362.000	888.362.000
- Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ	-	-	751.782.442	751.782.442
- Fagro International Trading fze	2.885.758.440	2.885.758.440	2.818.505.595	2.818.505.595
- Khác hàng khác	1.944.213.370	1.944.213.370	1.026.184.884	1.026.184.884
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.980.833.810	6.980.833.810	109.629.662.701	109.629.662.701

Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022		31/12/2022	
	VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	23.514.722.881	23.458.973.703	55.749.178
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	545.621.634	-	545.621.634	-
- Thuế thu nhập cá nhân	340.355	2.220.668.252	2.220.402.982	605.625
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	4.902.320	4.902.320	-
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	545.961.989	25.744.293.453	26.233.900.639	56.354.803
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	210.000.000	210.000.000
	-	-	210.000.000	210.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	42.241.999.997	42.241.999.997	27.156.750.004	219.040.499.972
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức (1)	24.265.000.000	24.265.000.000	-	28.905.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng	-	-	-	120.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ	-	-	25.735.000.000	-
- Vay cá nhân (2)	16.077.000.000	16.077.000.000	-	42.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.899.999.997	1.899.999.997	1.421.750.004	1.900.499.972
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng (3)	1.899.999.997	1.899.999.997	1.421.750.004	1.900.499.972
Vay dài hạn	816.666.655	816.666.655	-	162.781.750.004
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng (3)	816.666.655	816.666.655	-	162.781.750.004
- Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các ICTD Việt Nam	-	-	-	161.360.000.000
Cộng	43.058.666.652	43.058.666.652	27.156.750.004	381.822.249.976
				397.724.166.624

Vay và nợ với bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.1



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23 lô 01 khu 97 Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thuyết minh chi tiết về các khoản vay tại thời điểm 31/12/2022:

- (1) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức theo Hợp đồng tín dụng số 1483 - LAV - 201700011 ngày 06/01/2017; hạn mức: 400.000.000.000 VND; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2017; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản, bao gồm:
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trụ sở công ty: Số 23 lô 01 khu 97, Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng.
 - 9.200.579 cổ phiếu do Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình phát hành, mã cổ phiếu QBS, hiện đang được niêm yết trên sàn Hose, tổng mệnh giá: 92.005.790.000 VND, các cổ phiếu này được đing tên bởi bà Nguyễn Thị Thanh Hương.
 - Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 07, tờ bản đồ 02, địa chỉ: Phố Mới, xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. GCN số BG 298225, số vào sổ cấp CH00878 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 07/03/2012 cho ông Nguyễn Thanh Bình và bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

(2) Vay cá nhân: Vay cá nhân với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hình thức đảm bảo tiền vay: tin chấp;

(3) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HĐTD/THU/01 ngày 13/02/2019; Hạn mức: 2.009.000.000 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes - Benz S450 và phí bảo hiểm an tâm tín dụng; Thời hạn vay: 60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phi BHATTID; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;

- Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HĐTD/THU/02 ngày 09/05/2019; Hạn mức: 7.499.999.886 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua 1 xe nâng hàng hiệu Kalmar Model DRU450-62S5 15LA - 1570; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp)
d. Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (*)	VND	VND	VND	VND
	24.265.000.000	34.083.961.108	53.170.000.000	26.330.717.825
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng (**)	-	-	120.000.000.000	39.849.863.010
	24.265.000.000	34.083.961.108	173.170.000.000	66.180.580.835

(*) Theo biên cuộc họp đấu giá khoản nợ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (Agribank Chi nhánh Thủ Đức) tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá Tài sản thành phố Hải Phòng thi Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ (viết tắt là Công ty AZ) đã mua lại khoản nợ của Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức. Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty AZ đã chuyển thành công cho Agribank Chi nhánh Thủ Đức số tiền là: 25.735.000.000 đồng.

Ngày 03/01/2023, Công ty AZ đã thanh toán hết tiền mua lại khoản nợ trên cho Agribank Chi nhánh Thủ Đức đã gửi công văn tới Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình thông báo khoản nợ trên đã thay đổi chủ nợ sang Công ty AZ.

Đến ngày 23/03/2023 thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã thanh toán bộ số nợ gốc và lãi vay cho Công ty AZ.

(**) Công văn số 240/NHNo.BHP-KHDN ngày 01/03/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng thông báo về việc miễn, giảm tiền vay đối với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình. Đến ngày 05/04/2022 Công ty đã gửi giấy đề nghị miễn, giảm lãi kiểm phương án trả nợ gửi cho Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng. Theo đó, đến thời điểm ngày 05/04/2022 thì số nợ gốc và lãi của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng với số tiền là 164.376.036.926 đồng bao gồm 120.000.000.000 đồng tiền gốc và 44.376.036.926 đồng tiền lãi. Công ty đề nghị Ngân hàng cho thanh toán 127.999.000.000 đồng bao gồm 120.000.000.000 đồng tiền gốc và 7.999.000.000 đồng tiền lãi và đã được Ngân hàng đồng ý. Công ty đã thanh toán đầy đủ 127.999.000.000 đồng như đã thỏa thuận với Ngân hàng. Theo công văn 406/NHNo.BHP-KHDN ngày 08/04/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng theo đó kể từ ngày 06/04/2022, Công ty đã thanh toán hết mọi nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tại Agribank Chi nhánh Bắc Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	34.842.535.241	116.180.008.765
- Kinh phí công đoàn	16.160.424	29.991.184
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	34.083.961.108	26.330.717.825
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng	-	39.849.863.010
- Phải trả lãi vay Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	-	49.227.948.037
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	742.413.709	741.488.709
Dài hạn	-	-
Cộng	34.842.535.241	116.180.008.765
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	34.083.961.108	115.408.528.872
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	34.083.961.108	26.330.717.825
- Phải trả lãi vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng	-	39.849.863.010
- Phải trả lãi vay Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	-	49.227.948.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(85.791.019.417)	619.951.609.880					
- Lãi trong năm 2021	-	-	-	4.579.376.522	4.579.376.522					
- Giảm khác	-	-	-	(304.870.015)	(304.870.015)					
31/12/2021	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(81.516.512.910)	624.226.116.387					
01/01/2022	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(81.516.512.910)	624.226.116.387					
- Lỗ trong năm 2022	-	-	-	(138.700.489.817)	(138.700.489.817)					
31/12/2022	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(220.217.002.727)	485.525.626.570					

33

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	693.299.280.000	693.299.280.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2022 CP	01/01/2022 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu	359.357.021.692	1.523.133.726.355
- Doanh thu bán hàng	356.878.290.000	1.519.003.829.885
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.478.731.692	4.129.896.470
Cộng	359.357.021.692	1.523.133.726.355

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 32.1

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	355.782.248.916	1.460.503.588.902
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.388.223.039	3.597.276.612
Cộng	359.170.471.955	1.464.100.865.514

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	348.534.164	447.230.214
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	270.000	241.294.283
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	2.454.682.211
Cộng	348.804.164	3.143.206.708

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí lãi vay	21.508.602.092	43.954.870.693
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.375	1.317.936.633
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	323.593.368	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	3.239.046.154
- Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(61.708.494.843)	-
Cộng	(39.876.285.008)	48.511.853.480

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	139.227.729.712	9.691.043.808
- Chi phí nhân viên quản lý	3.224.387.301	4.154.829.170
- Chi phí đồ dùng văn phòng	64.293.702	83.632.292
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.221.851.008	1.281.317.217
- Thuế, phí và lệ phí	9.804.900	4.000.000
- Chi phí dự phòng	132.880.600.158	2.913.516.048
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.410.586.034	793.989.296
- Chi phí bằng tiền khác	416.206.609	459.759.785
Các khoản chi phí bán hàng	1.056.974.720	196.879.496
- Chi phí khấu hao TSCĐ	111.946.720	196.879.496
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	945.028.000	-
Cộng	140.284.704.432	9.887.923.304

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	15.717.270
- Chi phí lãi vay được miễn, giảm (*)	36.377.036.926	-
- Tiền phạt thu được	-	3.500.000.000
- Các khoản khác	21.101.000	1.362.150.317
Cộng	36.398.137.926	4.877.867.587

(*) Công ty được miễn, giảm tiền lãi vay với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng với số tiền 36.377.036.926 đồng, chi tiết xem tại thuyết minh số 16.d phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	74.405.811.185	201.650.000
- Xử lý dự án đầu tư	319.545.455	-
- Phạt vi phạm hợp đồng	205.580	2.500.000.000
- Các khoản chi phí khác	500.000.000	77.510.196
Cộng	75.225.562.220	2.779.160.196

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(138.700.489.817)	5.874.998.156
Các khoản chi phí không được khấu trừ	22.957.997.489	603.562.207
- Khấu hao TSCĐ có Nguyên giá > 1,6 tỷ	254.388.000	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	323.593.368	271.664.011
- Chi phí không hợp lý khác	22.380.016.121	331.898.196
Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN	-	452.193
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	452.193
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	(115.742.492.328)	6.478.108.170
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	1.295.621.634
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.295.621.634
27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(138.700.489.817)	4.579.376.522
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	69.329.928	69.329.928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(2.001)	66
28. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU		
Ban Điều hành Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.		
29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	64.293.702	83.636.293
- Chi phí nhân công	3.224.387.301	4.154.829.170
- Khấu hao tài sản cố định	1.378.389.500	1.487.038.485
- Chi phí dự phòng	132.880.600.158	2.913.516.048
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.592.745.301	2.609.239.296
- Chi phí bằng tiền khác	1.532.511.509	2.236.944.624
Cộng	143.672.927.471	13.485.203.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm, Công ty chủ yếu phát sinh doanh thu thương mại kinh doanh mặt hàng phân bón hóa chất chiếm trên 99% tổng doanh thu và toàn bộ hoạt động tại thị trường Việt Nam. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo Bộ phận cho cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng báo cáo tài chính.

31. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm 2022, Công ty có các phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
Giảm khoản lãi vay phải trả từ việc miễn, giảm lãi vay của ngân hàng	36.377.036.926	-
Giảm khoản gốc vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đô sang Công ty CP Đầu tư và Tư vấn AZ	25.735.000.000	-
Cộng	62.112.036.926	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. THÔNG TIN KHÁC

32.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các Bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đĩnh Vũ (*)	Công ty con đến ngày 28/06/2022
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long đến 14/10/2021

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2022	Năm 2021
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đĩnh Vũ	Dịch vụ thuê kho	615.000.000	1.650.000.000
	Cho vay	2.100.000.000	4.765.000.000
	Thu tiền cho vay	1.965.000.000	2.800.000.000
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Cát Long	Bán hàng hóa	-	140.300.924.500
	Mua hàng hóa	-	272.112.870.568
	Phạt hợp đồng	-	3.500.000.000
- Ông Hoàng Văn Hưng	Trả gốc tiền vay	7.490.000.000	-
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Trả gốc tiền vay	4.810.000.000	-

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2022	01/01/2022
- Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đĩnh Vũ (*)	Phải thu khách hàng	-	6.652.011.255
	Phải thu về cho vay	-	1.965.000.000
- Ông Hoàng Văn Hưng	Vay ngắn hạn	-	7.490.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Vay ngắn hạn	14.077.000.000	18.887.000.000

(*) Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình - Đĩnh Vũ vào ngày 28/06/2022. Giá trị giao dịch giữa 2 công ty được xác định cho từ ngày 01/01/2022 đến ngày 28/06/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022	Năm 2021
- Bà Vũ Thị Dương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 21/07/2022)	84.459.896	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 21/07/2022)	248.617.171	273.306.150
- Bà Hà Thị Mai Hương	TV Hội đồng Quản trị	183.345.307	152.912.754
- Bà Lê Thị Thanh Hải	TV Hội đồng Quản trị	45.360.000	6.480.000
- Ông Hoàng Văn Hưng	Tổng Giám đốc	130.754.772	155.343.227
- Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	132.783.757	156.330.150
- Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	128.219.690	136.859.456
- Bà Đặng Thị Phương Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát	77.760.000	77.760.000
- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	58.320.000	58.320.000
Cộng		1.089.620.593	1.017.311.737

32.2. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Trong năm 2022, doanh thu của Công ty giảm 76,41% so với năm 2021, sự sụt giảm chủ yếu đối với lĩnh vực thương mại; cùng với đó là việc thu hẹp quy mô hoạt động thông qua thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn, các tài sản cố định, đồng thời kết quả kinh doanh lỗ 138.700.489.817 đồng (lỗ lũy kế 220.217.002.727 đồng), dòng tiền lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh âm 104.388.281.513 đồng. Điều đó dẫn đến yếu tố nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Hiện tại, Công ty đang tiến hành tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh, cũng như đôn đốc thu hồi các khoản công nợ phải thu khách hàng để thu hồi vốn chi trả các khoản gốc và lãi quá hạn thanh toán với ngân hàng và nhà cung cấp. Đến thời điểm 23/03/2023, Công ty đã tắt toàn bộ khoản nợ gốc và lãi quá hạn với Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn AZ (Công ty đã mua thành công khoản nợ từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức) đồng thời Công ty đang nghiên cứu đầu tư, triển khai, mở rộng các hoạt động kinh doanh mang lại hiệu quả. Do đó, Ban điều hành Công ty vẫn lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 trên cơ sở hoạt động liên tục.

32.3. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo biên cuộc họp đấu giá khoản nợ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (Agribank Chi nhánh Thủ Đức) tại Trung tâm Dịch vụ Đấu giá Tài sản thành phố Hải Phòng thì Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn AZ (viết tắt là Công ty AZ) đã mua lại khoản nợ của Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thủ Đức. Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty AZ đã chuyển thành công cho Agribank Chi nhánh Thủ Đức số tiền là: 25.735.000.000 đồng.

Ngày 03/01/2023, Công ty AZ đã thanh toán hết tiền mua lại khoản nợ trên cho Agribank Chi nhánh Thủ Đức đã gửi công văn tới Công ty CP Xuất nhập khẩu Quảng Bình thông báo khoản nợ trên đã thay đổi chủ nợ sang Công ty AZ. Đến ngày 23/03/2023 thì Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình đã thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi vay cho Công ty AZ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Mẫu số B09-DN

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Quảng Bình đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Trần Thị Yến Chi

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Vũ Thị Dương